



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2013



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO**
- Tên tiếng Anh: CUONG THUAN IDICO DEVELOPMENT
- Tên viết tắt: CTC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4703000423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/09/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 09/08/2013
- Vốn điều lệ: 150.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 150.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 168 KP.11, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (84-61) 629 1081
- Số fax: (84-61) 629 1082
- Website: <http://www.cuongthuan.com>
- Mã cổ phiếu: **CTI**



MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------------------------|----|
| Quá trình hình thành và phát triển | 08 |
| Các danh hiệu tiêu biểu | 09 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 10 |
| Mô hình quản trị và bộ máy quản lý | 12 |
| Định hướng phát triển | 15 |
| Các rủi ro | 17 |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|--|----|
| Tình hình sản xuất kinh doanh | 22 |
| Tổ chức và nhân sự | 23 |
| Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án | 31 |
| Tình hình tài chính | 33 |
| Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu | 35 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|--|----|
| Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh | 38 |
| Tình hình tài chính | 40 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý | 42 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 43 |

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 46 Các mặt hoạt động
- 47 Hoạt động của Ban Giám đốc
- 49 Kế hoạch và định hướng

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 52 Hội đồng quản trị
- 61 Ban kiểm soát
- 65 Giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 66 Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa, Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác và toàn thể CBCNV Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

Năm 2013 đã qua khi vẫn còn đó những khó khăn của nền kinh tế nói chung và của ngành thi công nói riêng, xây dựng nói riêng như thị trường bất động sản chưa thực sự khởi sắc, đầu tư bị thu hẹp, cạnh tranh mạnh mẽ giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là lĩnh vực xây lắp, v.v... đã ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.

Tuy nhiên, với thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường và sự ủng hộ to lớn của các ban ngành, các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương và Tổng Công ty IDICO, Công ty đã kiên định duy trì, tập trung thực hiện các lĩnh vực thế mạnh để hoàn thành kế hoạch, mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Bước sang năm 2014, nhận diện rõ những khó khăn, thách thức, cơ hội, với chiến lược dài hạn, giải pháp linh hoạt, Ban Lãnh đạo sẽ tập trung các nguồn lực để hướng tới sự phát triển bền vững trên mọi lĩnh vực. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự đồng lòng nhất trí và ủng hộ của Quý cổ đông, sự tín nhiệm của khách hàng, ý chí quyết tâm của tập thể CBCNV sẽ góp phần khẳng định thương hiệu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp lên tầm cao mới.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty kính chúc Quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành đạt và luôn đồng hành cùng sự phát triển của Cường Thuận IDICO.

Trân trọng kính chào !



A photograph of a paved road with a white dashed center line, stretching into the distance. The road is flanked by tall, leafy green trees, creating a canopy effect. The sky is visible through the branches. The overall scene is bright and natural.

THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển

Các danh hiệu tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

01 | QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Ngày 19/03/2010, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán HSX.

Ngày 11/01/2008, CTCP Cường Thuận chính thức gia nhập thành viên của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp VN và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

Ngày 17/12/2007, CTCP Cường Thuận được tiếp nhận là Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và Khu công nghiệp VN

Ngày 06/12/2007, Công ty Cổ phần Cường Thuận gia nhập thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam

Ngày 19/09/2007, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần

Ngày 03/05/2000, Công ty TNHH Cường Thuận chính thức hoạt động

SỰ KIỆN NỔI BẬT 2013

- Xúc tiến đầu tư dự án cải tạo nâng cấp QL91;
- Dự án Quốc Lộ 1 tuyến tránh thành phố Biên Hoà hoàn thành , thông xe.
- Mở đá Thiệt Tân của Công ty con IDICO Đồng Nai đã đi vào khai thác...

CÁC DANH HIỆU TIÊU BIỂU

Với những nỗ lực không ngừng của Cường Thuận IDICO trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm và chất lượng phục vụ trên thị trường, Cường Thuận IDICO đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen cũng như giải thưởng của nhiều tổ chức, hiệp hội như:

- Giấy chứng nhận **thương hiệu Việt cho sản phẩm bê tông nhựa nóng** Cường Thuận do Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp;
- Giấy chứng nhận **thương hiệu Việt cho sản phẩm cống thoát nước** Cường Thuận do Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp;
- Giấy chứng nhận **hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008** do Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp;
- Giấy chứng nhận là **thành viên thương hiệu Việt**;
- **Cúp Vàng thương hiệu Việt** sản phẩm Bê tông nhựa nóng;
- **Cúp Vàng thương hiệu Việt** sản phẩm cống thoát nước.

Tất cả những giấy khen, bằng khen giải thưởng ở trên đã khẳng định vị trí tiên phong của Cường Thuận IDICO trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng ở Việt Nam.

02 | NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình giao thông; Đầu tư xây dựng công trình đường bộ (theo phương thức B.O.T);
- Sản xuất, mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, rung ép, ly tâm và bê tông nhựa nóng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông (cầu $L < 25$ m, đường bộ);
- Thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp;
- San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán và cho thuê máy móc, thiết bị công trình;
- Sản xuất, gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông.



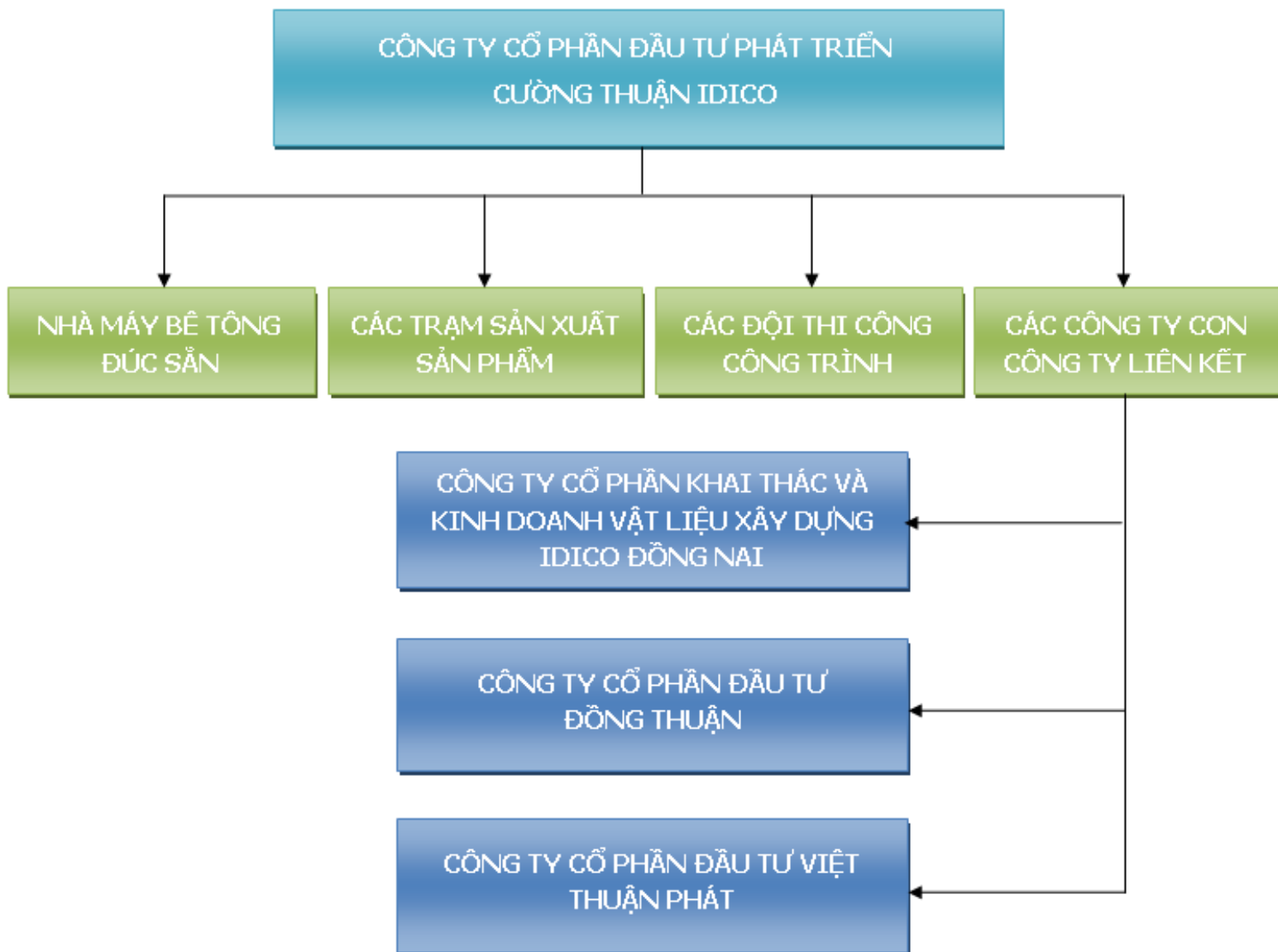
Địa bàn kinh doanh

Cường Thuận IDICO có hoạt động kinh doanh chủ yếu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các tỉnh, thành phố trực thuộc khu vực Đông Nam Bộ. Đông Nam Bộ là vùng có kinh tế phát triển nhất Việt Nam, dân số đông và dẫn đầu cả nước về đầu tư nước ngoài, GDP, cũng như nhiều yếu tố xã hội khác. Vốn thu hút nước ngoài của khu vực này dẫn đầu cả nước, nổi bật ở các tỉnh: Đồng Nai, Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là yếu tố thuận lợi cho sự phát triển của Cường Thuận IDICO trong tương lai.



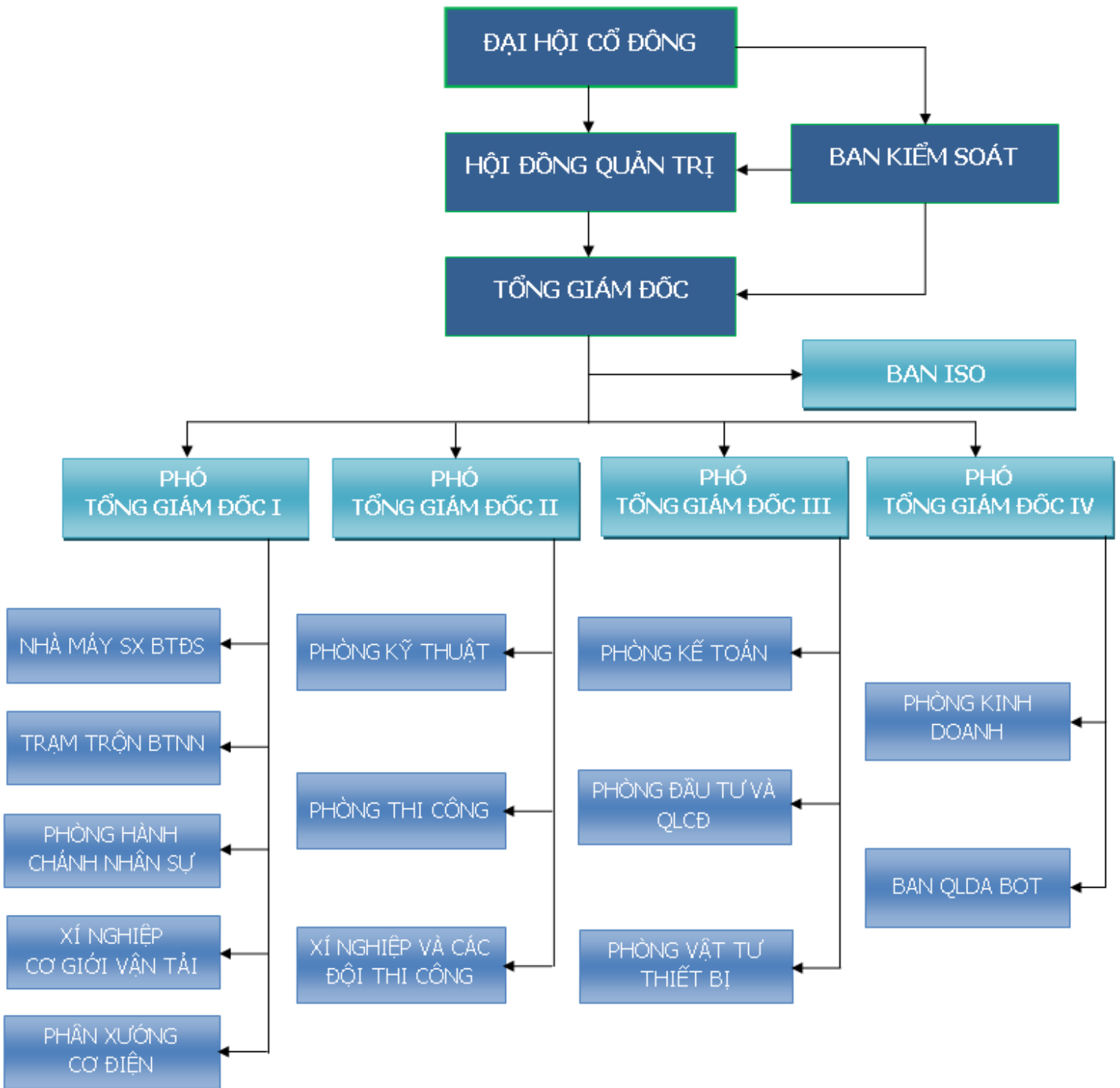
03 | MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị





Cơ cấu Bộ máy quản lý



Công ty con, Công ty liên kết



DONG THUAN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ĐỒNG THUẬN

- **Tên tiếng Anh:** DONG THUAN INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** DTC
- **Địa chỉ:** F253, KP7, Võ Thị Sáu, Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai
- **Vốn điều lệ:** 258.000.000.000 đồng.
- **Cường Thuận IDICO** chiếm 52,73% cổ phần.

Lĩnh vực hoạt động chính: xây dựng công trình đường sắt đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (dịch vụ thu phí giao thông), kinh doanh bất động sản, xây dựng các loại nhà, buôn bán nhiên liệu rắn lỏng ...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIỆT THUẬN PHÁT

- **Tên tiếng Anh:** VIET THUAN PHAT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** VTP
- **Địa chỉ:** 166, Tổ 2, KP11, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- **Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 đồng.
- **Cường Thuận IDICO** chiếm 35% cổ phần.

Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thuận Phát được thành lập với mục đích là sản xuất sản phẩm bê tông nhựa nóng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...



CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG IDICO ĐỒNG NAI

- **Tên tiếng Anh:** IDICO DONGNAI MATERIAL PRODUCING AND TRADING JOINT-STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** IDICO ĐỒNG NAI
- **Địa chỉ:** lầu 1, số 168, Khu phố 11, Phường An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
- **Vốn điều lệ:** 60.000.000.000 đồng.
- **Cường Thuận IDICO** chiếm 56,94% cổ phần.

Công ty được thành lập với mục đích là khai thác vật liệu xây dựng như đá, cát; buôn bán vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng, xây dựng các loại nhà; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ...

04 | ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TÂM NHÌN

Với phương châm “Tất cả, để khách hàng hài lòng”, Cường Thuận IDICO phấn đấu nỗ lực hết mình trở thành một thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam về sản phẩm vật liệu xây dựng và thi công xây dựng.

SỨ MỆNH

- Bằng chất lượng sản phẩm, công trình và dịch vụ toàn diện, chúng tôi mang lại sự hài lòng cho khách hàng trên mọi phân khúc thị trường.
- Xây dựng công trình chất lượng tốt, giá trị thẩm mỹ cao, tạo nền tảng hạ tầng cơ sở cho sự phát triển địa phương, thay đổi diện mạo đất nước.
- Mang lại giá trị gia tăng cho các cổ đông, xây dựng đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV và đem lại các lợi ích cho xã hội.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

- Cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, tiết kiệm chi phí cho việc giảm giá thành sản phẩm và nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm chủ lực.
- Phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xã hội hóa giao thông, xây dựng hạ tầng xã hội.
- Tập trung ưu tiên đầu tư vào lĩnh vực khai khoáng (mỏ đá, mỏ cát), lĩnh vực kinh doanh xăng dầu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Gắn liền phát triển doanh nghiệp với bảo vệ môi trường.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

- Chủ động tìm kiếm nguồn nguyên liệu đầu vào ổn định.
- Phát triển mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa.
- Tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sản phẩm sang thị trường các quốc gia lân cận.



05 | RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2013, Ngành Xây dựng bước vào thực hiện kế hoạch 2013 trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, phục hồi chậm hơn dự báo; nền kinh tế trong nước vẫn đang ở giai đoạn khó khăn; thị trường bất động sản vẫn còn trầm lắng; sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp vẫn chưa có sự chuyển biến, xử lý hàng tồn kho và nợ xấu tiếp tục là những thách thức đối với nhiều doanh nghiệp vật liệu xây dựng không chỉ có Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.

Trong một giai đoạn nhất định, nền kinh tế phát triển trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng và ngành kinh doanh sản xuất vật liệu xây dựng nói chung. Tuy nhiên với tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp cơ sở hạ tầng, có thể nhận định rủi ro kinh tế không phải là một rủi ro lớn với hoạt động của Công ty.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Cường Thuận IDICO chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Ngoài ra, khi trở thành Công ty Đại chúng, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản dưới luật trên có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch chính sách kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh cho phù hợp.

RỦI RO LUẬT PHÁP



RỦI RO KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hiện nay chủ yếu tập trung vào thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng. Dây chuyền sản xuất ống cống bê tông quay ép, rung ép và xưởng sản xuất bê tông nhựa nóng hiện đã đưa vào sản xuất ổn định.

Đây không thật sự là một sự hạn chế đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO bởi những nguyên nhân sau:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đã đầu tư thêm 2 dây chuyền sản xuất ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép và rung ép mới với công suất lớn gấp hơn 2 lần, sản phẩm cũng đa dạng hơn dây chuyền cũ.

Bên cạnh việc kinh doanh sản xuất cung cấp các sản phẩm bê tông, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang triển khai tham gia đầu tư một số lĩnh vực truyền thống của Công ty cũng như lĩnh vực khác có tiềm năng như: đầu tư xây dựng tuyến Quốc lộ, hệ thống trạm xăng dầu, địa ốc, khai thác vật liệu xây dựng...

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO đang đẩy mạnh phát triển củng cố năng lực để tham gia đầu tư và thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng cho các khu công nghiệp, khu dân cư đô thị ở tỉnh Đồng Nai, khu vực TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận khác trước đây. Hiện tại, các dự án đang mang lại nguồn thu lớn tạo sự phát triển ổn định cho Công ty. Trong tương lai, dự kiến sẽ đem lại doanh thu ổn định bền vững lâu dài cho Công ty. Với những lý do trên, thì những rủi ro kinh doanh hạn chế tiềm năng phát triển của Công ty cũng được giảm thiểu đáng kể.

RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng là ngành có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Với xu hướng mở cửa hội nhập kinh tế đối thủ cạnh tranh của Công ty không chỉ là các doanh nghiệp trong nước mà còn cả các doanh nghiệp nước ngoài với tiềm lực tài chính rất mạnh.

Tuy nhiên, với lợi thế về thương hiệu, khả năng chớp thời cơ, đầu tư công nghệ hiện đại nhất nhì ở các Tỉnh phía Nam Việt Nam thời điểm hiện nay, trình độ quản lý cùng với tiềm năng đất đai, tiềm lực về tài chính, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO hoàn toàn có thể tự tin vào khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước. Nhìn chung, việc ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh sẽ làm giảm thị phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO nhưng với những lợi thế sẵn có của mình, Công ty có đủ năng lực để kiểm soát được rủi ro này và từng bước mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Do nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm (khoảng 40%- 60%) nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Giá nguyên vật liệu và hàng hóa tăng liên tục trong thời gian gần đây, mà phần lớn xuất phát từ những hàng hóa "trọng điểm" của nền kinh tế đặc biệt là sắt thép, xi măng. Việc tăng giá này đã tác động trực tiếp đến chi phí giá thành của sản phẩm. Ngoài ra tình trạng xăng dầu tăng giá liên tục trên thế giới, đồng nghĩa với việc giá xăng dầu tại Việt Nam cũng đang điều chỉnh tăng theo tình hình chung. Đây là lý do quan trọng ảnh hưởng đến chi phí vận chuyển của Công ty.

Tuy nhiên, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm cho tất cả các ngành hàng, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng sẽ bù đắp được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đến lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro về lãi suất

Trong những năm qua, sự suy thoái của nền kinh tế đã khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn để duy trì và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh vì chi phí lãi vay cao so với khả năng chi trả của Doanh nghiệp. Năm 2013, lãi suất cho vay đã giảm từ 12-13%/năm xuống còn 7-8%/năm nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước cân bằng lại hoạt động Công ty.

**RỦI RO
ĐẶC THÙ**

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.

**RỦI RO
KHÁC**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

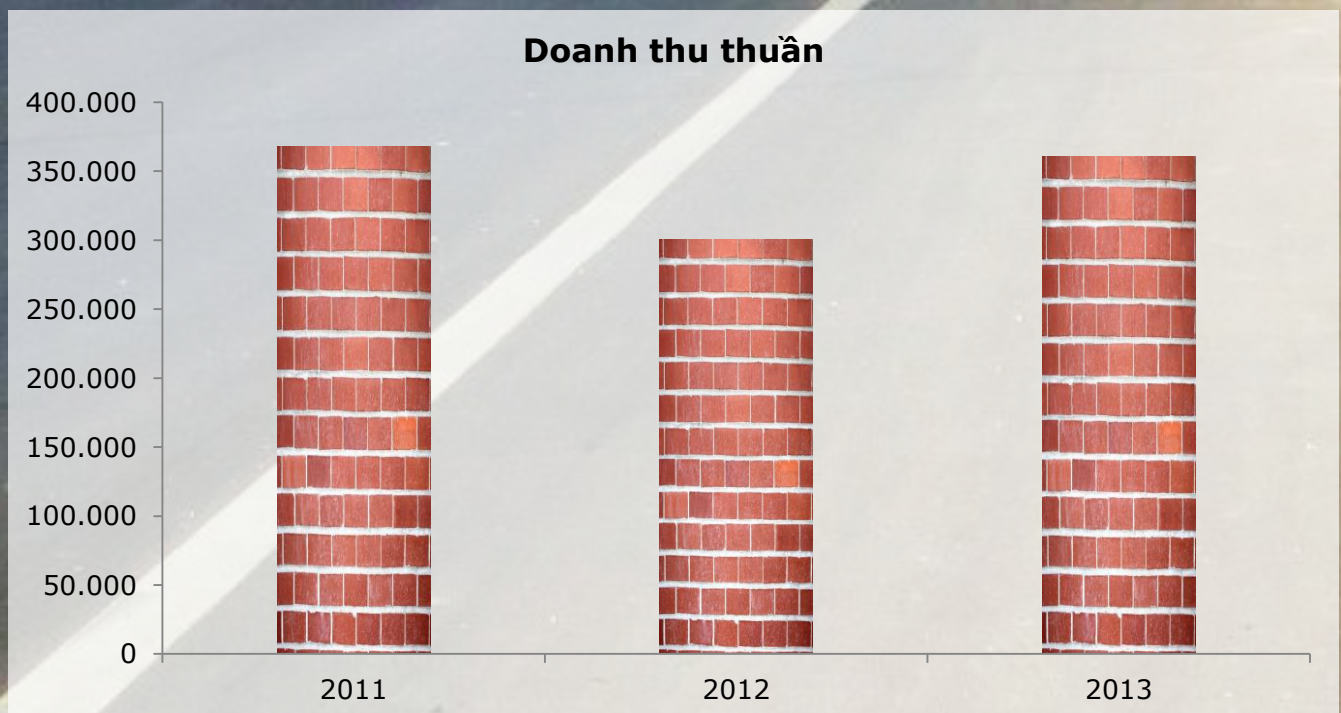
Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông thay đổi vốn chủ sở hữu

01 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

| Chi tiêu | Thực hiện 2013 | Kế hoạch 2013 | Thực hiện 2012 | % So với KH 2013 | % So với 2012 |
|-----------------------------|----------------|---------------|----------------|------------------|---------------|
| Tổng tài sản | 1.745.311 | | 1.173.520 | | 148,72% |
| Doanh thu thuần | 360.607 | | 300.315 | | 120,08% |
| Lợi nhuận gộp | 61.752 | | 56.600 | | 109,10% |
| Chi phí tài chính | 25.988 | | 24.811 | | 104,74% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 1.995 | | -531 | | 475,71% |
| Lợi nhuận khác | 6 | | 2.397 | | 0,25% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.051 | | 1.734 | | 118,28% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.422 | 20.000 | 1.243 | 12,11% | 194,85% |

Đơn vị tính: triệu đồng



02 | TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần năm giữ | Tỷ lệ |
|-----|--------------------------|-------------------|--------------------------|--------|
| 1 | Nguyễn Xuân Quang | Tổng Giám đốc | 761.788 | 5,08% |
| 2 | Trương Hồng Loan | Phó Tổng Giám đốc | 3.740.000 | 24,93% |
| 3 | Phạm Thanh Quảng | Phó Tổng Giám đốc | 40.000 | 0,27% |
| 4 | Nguyễn Văn Khang | Phó Tổng Giám đốc | 200.000 | 1,33% |
| 5 | Nguyễn Sỹ Phong | Phó Tổng Giám đốc | 10.000 | 0,07% |
| 6 | Đới Hùng Cường | Phó Tổng Giám đốc | 1.000 | 0,01% |
| 7 | Lê Văn Vinh | Kế toán trưởng | 10.000 | 0,07% |

1

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUANG

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 5,08%

Quá trình công tác:

- Từ 03/1993 đến 06/2000: Phụ trách đội xe cơ giới Công ty An Bình –BQP;
- Từ 06/2000 đến 09/2004 : Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP;
- Từ 09/2004 đến 05/2005: Phó giám đốc Công ty An Bình BQP;
- Từ 05/2005 đến 03/2008: Cán bộ Quân đoàn 4 – BQP;
- Từ 03/2008 đến 04/2009: Cố vấn HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Từ 04/2009 đến 02/2012: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013 : Ông Nguyễn Xuân Quang được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.

2

BÀ TRƯƠNG HỒNG LOAN**Chức vụ:****Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh:

1969

ÔNG PHẠM THANH QUẢNG**Chức vụ:****Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh:

1977

3

4

ÔNG NGUYỄN VĂN KHANG**Chức vụ:****Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh:

1971

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính

ÔNG NGUYỄN SỸ PHONG**Chức vụ:****Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh:

1958

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Điện tử

5



6

ÔNG ĐỐI HÙNG CƯỜNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 0,01%

Quá trình công tác:

- Từ 2002 đến 2003: Nhân viên kỹ thuật Công ty CP Vận tải Quốc tế Hoàng Anh;
- Từ 2003 đến 2005: Nhân viên kỹ thuật Công ty An Bình BQP;
- Từ 2005 đến 09/2007: Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Cường Thuận;
- Từ 09/2007 đến 01/2008: Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP Cường Thuận;
- Từ 01/2008 đến 03/2009: Phó Giám đốc Kỹ thuật Thi công Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Từ 03/2009 đến nay: Phó TGD Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.



ÔNG LÊ VĂN VINH

7

Chức vụ: Kế toán Trưởng

Năm sinh: 1974

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 0,07%

Quá trình công tác:

- Từ 1996 đến 1998: Nhân viên XNK Công ty TNHH Vina Tarpaulin Bình Dương;
- Từ 1998 đến 2001: Nhân viên kế toán Công ty TNHH chăn nuôi CP;
- Từ 2001 đến 2002: Nhân viên XNK Công ty TNHH SX Đông Nam;
- Từ 2002 đến 09/2007: Kế toán trưởng Công ty TNHH Cường Thuận;
- Từ 09/2007 đến 01/2008: Kế toán trưởng Công ty CP Cường Thuận.

Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2013, nhân sự ban điều hành có sự thay đổi:

- Ông Trần Như Hoàng thay thế Bà Trương Hồng Loan nắm giữ chức vụ **Chủ tịch Hội đồng quản trị**;
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Xuân Quang giữ chức vụ **Tổng Giám đốc** Công ty thay cho ông Trần Như Hoàng.

Ông Lê Văn Vinh vẫn nắm giữ chức vụ Kế toán trưởng trong năm 2013 cho đến ngày **10/02/2014**.



Số lượng cán bộ nhân viên

| Trình độ | 2013 | |
|-------------------------------|----------|----------|
| | Số lượng | Tỷ trọng |
| Theo trình độ | 442 | |
| Đại học | 65 | 14,71% |
| Cao đẳng và Trung cấp | 98 | 22,17% |
| CN kỹ thuật | 32 | 7,24% |
| Lao động phổ thông | 247 | 55,88% |
| Theo hợp đồng lao động | 442 | |
| HĐLĐ có thời hạn | 442 | 100% |
| HĐLĐ thời vụ | 0 | 0 |

Chính sách đối với người lao động

Chính sách đào tạo

Công ty có các chính sách đào tạo rõ ràng cho từng đối tượng khác nhau. Các quy trình công nghệ, quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đưa vào chương trình đào tạo thường xuyên cho đội ngũ kỹ sư mới, nhân viên kỹ thuật và công nhân công nghệ. Các kỹ sư hoạt động tự lập, tự tham khảo tài liệu thông qua internet, tích lũy kinh nghiệm thông qua hoạt động hàng ngày. Những thông tin mới được phổ biến truyền đạt thông qua các chuyên đề, thông qua trao đổi email.

Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu đào tạo của từng xí nghiệp- bộ phận, Công ty sẽ tiến hành theo nhiều hình thức như cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng cách kết hợp với các trung tâm, các trường đào tạo. Bên cạnh đó, Công ty còn cử cán bộ ra nước ngoài đào tạo nhằm học hỏi kinh nghiệm phát triển sản phẩm của các nước. Những cán bộ công nhân viên cử đi học đều được Công ty tạo mọi điều kiện về thời gian và chi phí đào tạo.

Thêm vào đó, Công ty còn tổ chức cho cán bộ quản lý tham gia các lớp học ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao kiến thức quản lý sản xuất kinh doanh, quản lý nguồn nhân lực phù hợp để đáp ứng quy mô hoạt động ngày càng gia tăng của Công ty.

Với truyền thống nhiều năm cung cấp sản phẩm ra thị trường, Cường Thuận IDICO đã không ngừng củng cố, xây dựng và phát triển văn hóa Công ty đến toàn thể cán bộ công nhân viên bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm mục đích để mọi người xem Cường Thuận IDICO là gia đình thứ hai của mình. Hiện tại, phương châm bản sắc văn hóa mà Ban lãnh đạo Công ty hướng đến là "Đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu".



Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO có chế độ lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CBCNV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để khuyến khích và cải thiện nâng cao thu nhập cho người lao động, Công ty đã xây dựng hệ thống thang bảng lương và ban hành các quy chế trả lương, thưởng trong Doanh nghiệp theo tiêu chuẩn riêng của mình.

Hàng năm kết hợp với Công đoàn khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân và bồi dưỡng độc hại cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Tổ chức tặng quà cho CBCNV trong ngày quốc tế phụ nữ 8/3 và tặng quà cho CBCNV diện chính sách nhân ngày thương binh liệt sĩ, ngày thành lập quân đội 22/12 v.v...Tham gia các hoạt động xã hội như tương thân tương ái, giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức CBCNV đi nghỉ dưỡng, nghỉ mát kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

03 | TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

| STT | Hoạt động đầu tư | 2013 |
|-----|------------------------------------|----------------|
| 1 | * Góp vốn Công ty CP ĐT Đồng Thuận | 44.102.000.000 |
| 2 | * TSCĐ | 19.900.000.000 |
| 3 | * Mỏ đá Tân Cang 8 | 24.500.000.000 |

Tình hình tài chính Công ty con, công ty liên kết Công ty Cổ phần đầu tư Đồng Thuận

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | % tăng giảm |
|----------------------|----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 677.048 | 1.124.296 | 66,06% |
| Tài sản ngắn hạn | 188.657 | 147.038 | -22,06% |
| Tài sản dài hạn | 488.391 | 977.258 | 100,10% |
| Nợ phải trả | 557.364 | 951.980 | 70,80% |
| Nợ ngắn hạn | 132.274 | 264.070 | 99,64% |
| Nợ dài hạn | 425.090 | 687.911 | 61,83% |

Đơn vị tính: triệu đồng

Công ty Cổ phần đầu tư Việt Thuận Phát

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | % tăng giảm |
|----------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 10.831 | 8.214 | -24,16% |
| Doanh thu thuần | 43.227 | 90.734 | 109,90% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | -4 | 190 | 4850% |
| Lợi nhuận khác | -293 | 2 | 100,68% |
| Lợi nhuận trước thuế | -297 | 192 | 164,65% |
| Lợi nhuận sau thuế | -322 | 142 | 144,10% |

Đơn vị tính: triệu đồng

Công ty Cổ phần khai thác và kinh doanh VLXD IDICO Đồng Nai

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | % tăng giảm |
|----------------------|----------|----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 59.524 | 85.347 | 43,38% |
| Doanh thu thuần | - | 7.536 | - |
| Lợi nhuận từ HĐKD | -346 | 783 | 346,30% |
| Lợi nhuận trước thuế | -346 | 783 | 346,30% |
| Lợi nhuận sau thuế | -346 | 688 | 298,84% |

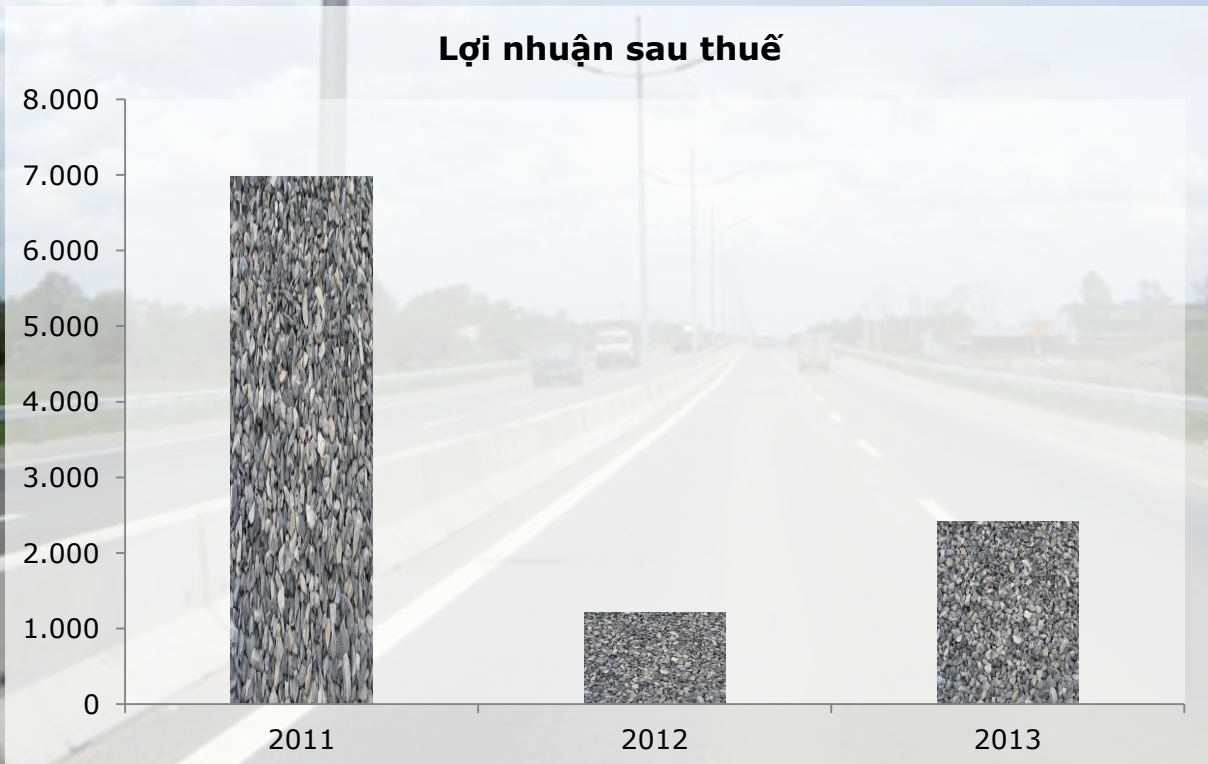
Đơn vị tính: triệu đồng

04 | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu | Năm 2012 | Năm 2013 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------|-----------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1.173.520 | 1.745.311 | 148,72% |
| Doanh thu thuần | 300.315 | 360.607 | 120,08% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | -531 | 1.995 | 475,71% |
| Lợi nhuận khác | 2.397 | 6 | 0,25% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.734 | 2.051 | 118,28% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.210 | 2.422 | 194,85% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 10% | 10% | |

Đơn vị tính: triệu đồng



Các chỉ tiêu tài chính

| Các chỉ tiêu | ĐVT | 2012 | 2013 |
|--|------|---------------|--------------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán hiện hành | Lần | 0,93 | 0,75 |
| Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 0,53 | 0,53 |
| | | | |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 82% | 87% |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 553% | 861% |
| | | | |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho: | Vòng | 1,47 | 1,62 |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản | Lần | 0,26 | 0,21 |
| | | | |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,40% | 0,67% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | % | 0,70% | 1,38% |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 0,10% | 0,14% |
| Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | -0,18% | 0,55% |

05 | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:

Tính đến thời điểm 31/12/2013, Tổng số cổ phần của Công ty đã phát hành 15.000.000 cổ phần.

Trong đó:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 15.000.000 cổ phần

- Cổ phiếu quỹ: không có
- Loại cổ phần: phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ/CP



Cơ cấu cổ đông:

| STT | Danh mục | SL Cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông (người) | |
|------------------------|---|------------------|--------------|------------------|------------------------|------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| Tổng số lượng cổ phiếu | | 15.000.000 | 100 | 250 | 5 | 245 |
| 1 | Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên) | 9.464.588 | 63,10 | 6 | 0 | 6 |
| | - Trong nước | 9.464.588 | 63,10 | 6 | 0 | 6 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Cổ đông là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (sở hữu < 5%) | 1.528.265 | 10,19 | 7 | 5 | 2 |
| | - Trong nước | 1.516.105 | 10,11 | 4 | 4 | 0 |
| | - Nước ngoài | 12.160 | 0,08 | 3 | 1 | 2 |
| 3 | Cổ đông khác | 4.007.147 | 26,71 | 237 | 0 | 237 |
| | - Trong nước | 4.007.147 | 26,71 | 237 | 0 | 237 |
| | - Nước ngoài | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2013, Công ty không có đợt tăng vốn nào.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO





01 | ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Có kinh nghiệm, cán bộ có chuyên môn vững vàng;
- Đội ngũ kỹ sư tay nghề cao;
- Nguồn vốn lớn.

S

Strengths

W

Weaknesses

- Đòi hỏi kỹ thuật nghiệp vụ cao;
- Phụ thuộc nguồn vật liệu nhập khẩu cho xây dựng, dễ bị tác động nếu có biến động của thị trường thế giới.

O

Opportunities

- Giá nguyên vật liệu thấp, tạo thuận lợi cho việc đầu tư;
- Quá trình đô thị hóa tiếp tục được đẩy mạnh.

T

Threats

- Tăng trưởng suy giảm và khủng hoảng kinh tế dẫn đến nhu cầu xây dựng ít hơn;

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2013

| STT | Chi tiêu | Thực hiện 2012 | Thực hiện 2013 | % tăng/giảm | Kế hoạch 2013 | % kế hoạch 2013 |
|-----|---------------------|----------------|----------------|-------------|---------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 306.252 | 360.635 | 17,76% | 460.000 | 78,40% |
| 2 | Doanh thu thuần | 300.315 | 360.607 | 20,08% | | |
| 3 | LNTT | 1.734 | 2.051 | 18,28% | | |
| 4 | LNST | 1.211 | 2.423 | 100,08% | 20.000 | 12,12% |
| 5 | Lãi cơ bản/cổ phiếu | 83 | 155 | 86,75% | | |

Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Các chỉ tiêu tài chính trong năm qua đều tăng trưởng tốt.
- Tổng doanh thu trong năm 2013 mặc dù chỉ đạt 79% kế hoạch đề ra nhưng cũng là một thành tích đáng ghi nhận trong hoàn cảnh kinh tế hiện nay.
- Lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 100% so với năm 2012.

02 | TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản

| Cơ cấu tài sản | 2012 | 2013 | Tỷ trọng 2012 | Tỷ trọng 2013 |
|---------------------|------------------|------------------|---------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | 455.908 | 514.827 | 38,85% | 29,50% |
| Tài sản dài hạn | 717.611 | 1.230.484 | 61,15% | 70,50% |
| Tổng tài sản | 1.173.519 | 1.745.311 | 100% | 100% |

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013 là 1.745 tỷ đồng, tăng 572 tỷ đồng so với thời điểm ngày 31/12/2012. Trong năm 2013, Tài sản của Công ty thay đổi chủ yếu ở khoản mục tài sản dài hạn. Tài sản dài hạn cuối năm 2013 đạt 1.230 tỷ đồng, tăng 513 tỷ đồng so với cuối năm 2012.

Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt tỷ trọng 29,50% và tài sản dài hạn đạt 70,50%.

Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

| Cơ cấu nợ phải trả | ĐVT | 2012 | 2013 | Tỷ trọng 2012 | Tỷ trọng 2013 |
|--------------------|------------|----------------|------------------|---------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn | Triệu đồng | 485.037 | 654.606 | 50,59% | 43,20% |
| Nợ dài hạn | | 473.739 | 860.667 | 49,41% | 56,80% |
| Tổng nợ | | 958.776 | 1.515.273 | 100% | 100% |

Nguồn vốn chủ yếu được sử dụng để tài trợ cho các khoản đầu tư là vốn vay từ các ngân hàng và Kho bạc Nhà nước Trung Ương. Vay nợ ngắn hạn và vay nợ dài hạn tăng lần lượt 169 và 386 tỷ đồng so với năm 2012. Cơ cấu vốn của Cường Thuận IDICO có thay đổi đáng kể từ cuối năm 2012. Tổng nợ chiếm tỷ trọng 77,08% trong cơ cấu nguồn vốn, tuy nhiên, cơ cấu nguồn vốn này chỉ mang tính chất thời điểm. Sau khi Công ty ghi nhận doanh thu từ các khoản đầu tư xây dựng, và trả bớt nợ, cơ cấu vốn của Cường Thuận IDICO sẽ được cải thiện với nợ chiếm tỷ trọng thấp hơn trong tổng nguồn vốn.

03 | NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Cường Thuận IDICO cho rằng Quản trị Công ty có vai trò vô cùng quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy năng lực của các bộ phận, phòng ban và cá nhân trong doanh nghiệp. Trong năm, Cường Thuận IDICO luôn chú trọng trong việc cải tiến cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý trong Công ty, cụ thể:

- Duy trì chính sách nhân sự công bằng và phát triển năng lực và khả năng tiềm ẩn của từng cá nhân. Chính sách lương thưởng cho người lao động hợp lý để người lao động cống hiến năng lực phát triển công ty.
- Tăng cường tin học hóa, mô hình hóa hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm phát huy ưu thế của công nghệ thông tin, gia tăng hiệu quả kinh doanh.
- Lãnh đạo công ty xây dựng mục tiêu, khối lượng công việc đồng bộ, hợp lý cho các bộ phận và toàn doanh nghiệp.

Thiết lập hệ thống kiểm soát hoạt động hiệu quả, thúc đẩy sự chia sẻ thông tin giữa các bộ phận trong doanh nghiệp, hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, phục vụ nhu cầu khách hàng

04 | KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dự kiến kế hoạch phát triển trong năm 2014

| STT | Hoạt động đầu tư | 2013 | 2014 |
|------------------|---|-----------------------|------------------------|
| 1 | Góp vốn Công ty CP ĐT Đồng Thuận | 44.102.000.000 | 20.000.000.000 |
| 2 | TSCĐ | 19.900.000.000 | 10.000.000.000 |
| 3 | Mỏ đá Tân Cang 8 | 24.500.000.000 | 10.000.000.000 |
| 4 | Góp vốn vào Công ty BOT An Thuận Phát | - | 10.000.000.000 |
| 5 | Đầu tư nút giao giữa 319 và Cao tốc TP.HCM - Long Thành | - | 5.000.000.000 |
| 6 | Đầu tư thực hiện dự án Quốc Lộ 91 | - | 80.000.000.000 |
| Tổng cộng | | 88.502.000.000 | 135.000.000.000 |





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các mặt hoạt động

Hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

01 | ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2013 | Kế hoạch 2013 | Thực hiện 2012 | % So với KH 2013 | % So với 2012 |
|-----------------------------|----------------|---------------|----------------|------------------|---------------|
| Tổng tài sản | 1.745.311 | | 1.173.519 | | 148,72% |
| Doanh thu thuần | 360.607 | | 300.315 | | 120,08% |
| Lợi nhuận gộp | 61.752 | | 56.599 | | 109,10% |
| Chi phí tài chính | 25.989 | | 24.811 | | 104,74% |
| Lợi nhuận từ HĐKD | 1.996 | | -531 | | 475,71% |
| Lợi nhuận khác | 6 | | 2.397 | | 0,25% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.051 | | 1.734 | | 118,28% |
| Lợi nhuận sau thuế | 2.423 | 20.000 | 1.211 | 12,12% | 194,85% |

Năm 2013 là một năm dù có những tín hiệu tích cực nhưng vẫn đầy gian nan thử thách của kinh tế Việt Nam. Chính phủ đã có nhiều biện pháp để chỉ đạo điều hành nền kinh tế, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, một trong những yếu tố tạo giúp các doanh nghiệp có thể phục hồi sau giai đoạn khó khăn.

Kinh tế vĩ mô tuy chưa vững chắc, lạm phát luôn có nguy cơ tăng trở lại, nợ xấu gia tăng, xử lý còn chậm nhưng những tín hiệu khả quan đã xuất hiện, là động lực cho sự phát triển mạnh mẽ những năm sau. Lãi suất tín dụng đã không còn cao so với hiệu quả sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp được tháo gỡ nút thắt, tạo cơ hội tiếp cận được nguồn vốn, giảm tồn kho. Những khó khăn chung của nền kinh tế tuy vẫn còn tồn tại, có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cường Thuận IDICO, nhưng kết quả hoạt động năm 2013 là sự nỗ lực, quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, đáng ghi nhận trong điều kiện kinh tế hiện nay.

02 | ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã giám sát Ban Giám đốc Công ty ở các hoạt động:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty quý 3 và quý 4 năm 2013, xây dựng kế hoạch và giao chỉ tiêu thực hiện năm 2014 cho Ban Giám đốc;
- Chấn chỉnh công tác quản lý thi công các gói thầu lớn như các gói thầu thi công QL 51, ĐT 769, ĐT 782-784 Tây Ninh, Tuyến tránh QL 1A;
- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư như: BOT tuyến tránh QL 1A và các cây xăng dọc tuyến tránh QL 1A...;
- Tham gia đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL91 đoạn KM 14+00 – KM50+889 theo hình thức BOT;
- Giám sát công tác huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty;
- Thực hiện cơ cấu lại một số chức danh điều hành và quản lý chủ chốt của Công ty.



Năm 2013, Ban Giám đốc đã thể hiện được năng lực, sự cố gắng nỗ lực nhằm thực hiện chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Tuy nhiên, tình hình kinh tế gặp khó khăn, một số đối tác gặp khó khăn tạm thời về nguồn vốn, Cường Thuận IDICO hưởng phần lớn nguồn lực xây dựng ở các dự án lớn khiến doanh thu và lợi nhuận không đạt kế hoạch.

Hiện tại, có thể khẳng định Cường Thuận IDICO là Công ty hàng đầu, vẫn duy trì được vị thế vững chắc trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng và thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ban Giám đốc đã tận dụng được lợi thế, cùng với những nỗ lực không ngừng giúp Công ty có được những hợp đồng lớn, giữ vững thị phần trong ngành cung cấp vật liệu xây dựng và thi công xây dựng trong năm 2013.

Ban Giám đốc thực hiện đúng theo nội dung các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại Hội đồng cổ đông, bám sát, cố gắng thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Hội đồng Quản trị ghi nhận Ban Giám đốc đã thể hiện được vai trò chỉ đạo, thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư trong những thời điểm khó khăn của nền kinh tế, phán đoán tình hình kịp thời giúp Công ty đạt được một số thành quả đáng tự hào trong năm 2013.

03 | CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Từ khó khăn tồn tại trong năm 2013, Việt Nam đã đề ra những giải pháp chủ yếu để ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2014. Năm 2014, Việt Nam sẽ tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát. Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã đưa ra:

- Theo đó, tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát ở mức thấp hơn năm 2013.
- Hoàn thành việc cơ cấu lại các tổ chức tài chính, tín dụng yếu kém. Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động tài chính, ngân hàng. Hỗ trợ phát triển lành mạnh thị trường chứng khoán.
- Nhanh chóng tháo gỡ khó khăn thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh hơn nữa việc hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn tín dụng với lãi suất hợp lý. Tháo gỡ vướng mắc về thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Nghiên cứu giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải thiện năng lực cạnh tranh và môi trường kinh doanh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là nguồn lực từ đất đai.



Nói chung, nền kinh tế những năm tiếp theo sẽ có những biến động bất ngờ, khó có được sự khởi sắc trong ngắn hạn. Cường Thuận IDICO kiên trì mục tiêu phát triển bền vững, không chủ trương đầu tư ngoài ngành, chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh cốt lõi là sản xuất vật liệu xây dựng và thi công xây dựng. Với những lợi thế sẵn có tại địa phương, thế mạnh về công nghệ, sự đồng lòng quyết tâm của cán bộ công nhân viên, Cường Thuận IDICO sẽ có những bước phát triển bền vững trong thời gian tới.

Năm 2013, dự kiến nền kinh tế khó có sự đột phá trong tăng trưởng và phát triển cơ sở hạ tầng, Cường Thuận IDICO thận trọng đặt kế hoạch kinh doanh như sau:

| STT | Hoạt động đầu tư | 2013 | 2014 |
|------------------|---|-----------------------|------------------------|
| 1 | Góp vốn Công ty CP ĐT Đồng Thuận | 44.102.000.000 | 20.000.000.000 |
| 2 | TSCĐ | 19.900.000.000 | 10.000.000.000 |
| 3 | Mỏ đá Tân Cang 8 | 24.500.000.000 | 10.000.000.000 |
| 4 | Góp vốn vào Công ty BOT An Thuận Phát | - | 10.000.000.000 |
| 5 | Đầu tư nút giao giữa 319 và Cao tốc TP.HCM - Long Thành | - | 5.000.000.000 |
| 6 | Đầu tư thực hiện dự án Quốc Lộ 91 | - | 80.000.000.000 |
| Tổng cộng | | 88.502.000.000 | 135.000.000.000 |



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích



01 | HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) |
|-----|-------------------|---------------|--------------------------|-------------------|
| 1 | Trần Như Hoàng | Chủ tịch HĐQT | 800.000 | 5,33 |
| 2 | Trương Hồng Loan | Ủy viên HĐQT | 3.740.000 | 24,93 |
| 3 | Nguyễn Văn Khang | Ủy viên HĐQT | 200.000 | 1,33 |
| 4 | Nguyễn Sỹ Phong | Ủy viên HĐQT | 10.000 | 0,07 |
| 5 | Nguyễn Văn Thành | Ủy viên HĐQT | 0 | 0 |
| 6 | Nguyễn Xuân Quang | Ủy viên HĐQT | 761.788 | 5,08 |
| 7 | Nguyễn Văn Thúy | Ủy viên HĐQT | 20.000 | 0,13 |

Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN NHƯ HOÀNG **CHỦ TỊCH HĐQT**

Năm sinh: 1975

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quốc tế Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 5,33%

Quá trình công tác:

- Từ 06/1997 đến 06/2000: Phụ trách kỹ thuật Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP;
- Từ 2000 đến 09/2007: Phó Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận;
- Từ 09/2007 đến 01/2008: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cường Thuận;
- Từ 01/2008 đến 2/2013: Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013: Ông Trần Như Hoàng được bổ nhiệm là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 24,93%

Quá trình công tác:

- Từ năm 2000 đến tháng 09 năm 2007: Giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận;
- Từ tháng 09 năm 2007 đến tháng 01 năm 2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Cường Thuận;
- Từ tháng 01 năm 2008: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013: Bà Trương Hồng Loan từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO.

BÀ TRƯƠNG HỒNG LOAN **ỦY VIÊN HĐQT**



Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013:
1,33%

Quá trình công tác:

- Từ 1998 đến 2000: Kế toán tổng hợp - Công ty An Bình – BQP;
- Từ 2000 đến 5/2005: Phụ trách kế toán Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP;
- Từ 06/2005 đến 08/2007: Phụ trách Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty CP An Bình;
- Từ 2005 đến 09/2007: Phó giám đốc tài chính Công ty TNHH Cường Thuận;
- Từ 09/2007 đến 01/2008: Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty CP Cường Thuận;
- Từ 01/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận – Thành viên HĐQT.

ÔNG NGUYỄN VĂN KHANG
ỦY VIÊN HĐQT



ÔNG NGUYỄN SỸ PHONG

ỦY VIÊN HĐQT

Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013:
0,07%

Quá trình công tác:

- Từ 1979 đến 1988: Giáo viên khoa tên lửa trường Trung cấp kỹ thuật phòng không;
- Từ 08/1988 đến 06/2003: Chuyển ngành về Công ty giấy Tân Mai Phụ trách bộ phận đo lường và điều khiển tự động. Thường vụ Ban chấp hành công đoàn Công ty. Phó phòng hành chính bảo vệ Công ty;
- Từ 07/2003 đến 2005: Phó giám đốc Công ty TNHH Cường Thuận;
- Từ 2006 đến 2007: Phó giám đốc Công ty TNHH DV xử lý môi trường Đồng Nai;
- Từ 11/2007 đến 01/2008: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Cường Thuận;
- Từ 01/2008 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận. Giám đốc Công ty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai.



ÔNG NGUYỄN VĂN THÀNH

ỦY VIÊN HĐQT

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1952

Quá trình công tác:

- Từ 1965 – 1986: Nhập ngũ quân giải phóng miền Nam, tham gia chiến đấu chống đế quốc Mỹ (nguyên cán bộ tiểu đoàn);
- Từ năm 1987 – 1995: Lữ đoàn trưởng Lữ 22 tăng thiết giáp, thuộc QĐ4;
- Từ năm 2001 – 2003: Phó tư lệnh QĐ4;
- Từ 2010 – 2012: Phó tổng tham mưu trưởng QĐND Việt Nam (mang quân hàm Trung Tướng);
- Từ năm 2013 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần PĐT PT Cường thuận IDICO.

ÔNG NGUYỄN XUÂN QUANG**ỦY VIÊN HĐQT**

Năm: 1962

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 5,08%

Quá trình công tác:

- Từ 03/1993 đến 06/2000: Phụ trách đội xe cơ giới Công ty An Bình –BQP;
- Từ 06/2000 đến 09/2004: Giám đốc Xí nghiệp thi công cơ giới Công ty An Bình – BQP;
- Từ 09/2004 đến 05/2005: Phó giám đốc Công ty An Bình BQP;
- Từ 05/2005 đến 03/2008: Cán bộ Quân đoàn 4 – BQP;
- Từ 03/2008 đến 04/2009: Cố vấn HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Từ 04/2009 đến 02/2012: Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO;
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát. Chủ tịch HĐQT Công ty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai.

Từ ngày 27 tháng 02 năm 2013: Ông Nguyễn Xuân Quang được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO.



Năm sinh: 1958

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tính đến ngày 31/12/2013: 0,13%

Quá trình công tác:

- Từ tháng 11 năm 1982 đến tháng 04 năm 1989: Chuyên viên PTCKT Công ty Cung ứng vật tư – Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà.
- Từ tháng 05 năm 1989 đến tháng 09 năm 1989: Phó phòng TCKT Xí nghiệp Tiếp nhận vật tư thiết bị Hải Phòng;
- Từ tháng 09 năm 1989 đến tháng 12 năm 1993: Kế toán trưởng Xí nghiệp Vật tư vận tải Sông Đà tại Tp. Biên Hòa – Đông Nai;
- Từ tháng 01 năm 1994 đến tháng 04 năm 1995: Phó phòng TCKT Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp;
- Từ tháng 05 năm 1995 đến tháng 12 năm 2000: Kế toán trưởng Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp;
- Từ tháng 12 năm 2000 đến tháng 02 năm 2009: Kế toán trưởng Tổng Công ty đầu tư phát triển đô thị và KCN Việt Nam;
- Từ tháng 03 năm 2009 : Đảng ủy viên, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam

ÔNG NGUYỄN VĂN THÚY
ỦY VIÊN HĐQT

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-------------------|----------|---------------------|-------|---------------------|
| 1 | Trần Như Hoàng | Chủ tịch | 04/04 | 100% | |
| 2 | Trương Hồng Loan | Ủy viên | 04/04 | 100% | |
| 3 | Nguyễn Văn Khang | Ủy viên | 04/04 | 100% | |
| 4 | Nguyễn Sỹ Phong | Ủy viên | 04/04 | 100% | |
| 5 | Nguyễn Văn Thành | Ủy viên | 04/04 | 100% | |
| 6 | Nguyễn Xuân Quang | Ủy viên | 04/04 | 100% | |
| 7 | Nguyễn Văn Thúy | Ủy viên | 04/04 | 100% | |



Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2013

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|----------------------|------------|---|
| 1 | 02/NĐHĐQT/CTC | 27/02/2013 | Bổ nhiệm chức danh chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc |
| 2 | 07/2013/NQ – HĐQT | 15/04/2013 | Thông qua kế hoạch đầu tư vào dự án BOT đường chuyên dùng V/c VLXD và cử người đại diện phần vốn liên doanh |
| 3 | 18/NQHĐQT/CTC | 31/12/2013 | Thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh 11 tháng năm 2013 và định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 |
| 4 | 16A/2013/NQ-HĐQT/CTC | 01/10/2013 | Thông qua việc tham gia đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL91 đoạn Km14+00 – Km50+889 theo hình thức BOT |

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

02 | BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|-----|----------------------|---------|--------------------------|---------------|
| 1 | Bùi Tiến Vương | | 0 | 0 |
| 2 | Nguyễn Thị Thu Hương | | 0 | 0 |
| 3 | Trần Quang Tiến | | 0 | 0 |

Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát

BÙI TIẾN VƯƠNG

Ngày sinh :14/04/1975

Địa chỉ thường trú : tổ 23, KP5, P. Trảng Dài, Biên Hoà, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ đến ngày : 31/12/2013:

Quá Trình công tác :

- Từ năm 2001 - 2004: Kế toán Công ty CP An Bình – QĐ4
- Từ năm 2005 - 2011: Kế toán Công ty CP ĐT PT Cường Thuận IDICO
- Từ năm 2012 đến nay: Kế toán Công ty CP KT và KD VLXD IDICO Đồng Nai.

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG

Ngày sinh: 15/09/1984

Nơi sinh: Đồng Nai

Số CMND: 271609997

Ngày cấp: 24/06/2013

Nơi cấp: Đồng Nai

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Định

Địa chỉ thường trú: B262 Khu dân cư Tân Thuận, phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại liên lạc: 0908793445

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán

Quá trình công tác:

- Từ năm 2007- 2008: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO
- Từ năm 2008 đến 2011: làm việc tại phòng Quản lý cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO
- Từ năm 2011 đến nay: Nhân viên kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận

TRẦN QUANG TIẾN

Ngày sinh: 02/06/1988

Dân tộc: Kinh

Số CMND: 225341642

Quê quán: Quảng Trị

Địa chỉ thường trú: Cam Hiệp Nam, Cam Lâm, Khánh Hòa.

Địa chỉ tạm trú: An Bình- Biên Hòa – Đồng Nai.

Quá trình công tác:

- Từ tháng 09/2010 đến 05/2012: Làm kế toán tại Công ty CP Dây & Cáp Điện Taya.
- Từ 05/2012 đến nay : Làm kế toán tại Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp nhằm thống nhất và đề ra các chủ trương hoạt động, tổ chức kiểm tra số liệu tài chính các quý trong năm. Một số hoạt động cụ thể như sau:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty.
- Tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2013 và các Quý của Công ty, kiểm tra hệ thống sổ sách báo cáo kế toán của Công ty.
- Tham gia vào các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. Xem xét và kiểm tra các số liệu và báo cáo về tình hình đầu tư và công tác sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Kiểm soát đánh giá trong năm 2013, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng đắn các quyền và nghĩa vụ trong quá trình quản lý và điều hành Công ty, tuân thủ Điều lệ Công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT và Ban Điều hành đã có những quyết định đúng đắn, kịp thời để thực hiện các mục tiêu của Công ty.

Đánh giá của Ban Kiểm soát với HĐQT

Ban Kiểm soát không thấy sự bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý công ty.

HĐQT trong năm đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường để trao đổi phân tích, đi đến thống nhất quyết định hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. HĐQT đã ban hành các quyết định chỉ đạo các phòng ban thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 của Công ty. Các quyết định chỉ đạo, lãnh đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo luật và quy định của Nhà nước, chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh, đầu tư đúng hướng nhằm thực hiện mọi chủ trương nghị quyết của Đại hội cổ đông, đảm bảo tuân thủ điều lệ của Công ty và chấp hành nghiêm chỉnh luật Doanh nghiệp.

HĐQT đã ban hành hệ thống các Quy chế, Quy định tạo bộ khung pháp lý để hoạt động. HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Giám đốc trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn trong hoạt động SXKD của Công ty, trên cơ sở đó thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Đánh giá của Ban Kiểm soát với Ban Giám đốc

Ban Giám đốc luôn chấp hành chủ trương của Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT, thực hiện đúng các quy chế, quy định của Công ty.

Năm 2013, Ban Giám đốc chỉ đạo và tập trung mọi nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Giám đốc đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành các hoạt động SXKD, triển khai xây dựng lại các quy chế, quy định phù hợp với tình hình thực tế của Công ty như: Quy chế quản lý tài chính, Quy chế tiền lương, tiền thưởng...

Ban Giám đốc không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý của Công ty, quan tâm đến công tác đổi mới, tái cấu trúc doanh nghiệp.

Trong công tác tài chính kế toán, hệ thống sổ sách biểu mẫu tương đối rõ ràng, hạch toán đúng chế độ quy định. Công tác kiểm kê định kỳ đầy đủ, hàng hóa và tài sản không thiếu hụt mất mát, số lượng thực tế đúng với sổ sách báo cáo.

03 | CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

| STT | Họ và tên | Thù lao HĐQT, BKS | Lương BQ tháng trong năm 2013 | Thưởng BQ tháng trong năm 2013 |
|----------|--------------------------|-------------------|-------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Hội đồng quản trị | | | |
| | Ông Trần Như Hoàng | 97.443.198 | 38.000.000 | 3.200.000 |
| | Ông Nguyễn Xuân Quang | 97.443.198 | 36.000.000 | 3.000.000 |
| | Bà Trương Hồng Loan | 97.443.198 | 35.000.000 | 2.900.000 |
| | Ông Nguyễn Văn Khang | 97.443.198 | 32.000.000 | 2.700.000 |
| | Ông Nguyễn Sỹ Phong | 97.443.198 | 29.000.000 | 2.400.000 |
| | Nguyễn Văn Thành | 97.443.198 | | |
| | Ông Nguyễn Văn Thuý | 97.443.198 | | |
| 2 | Ban kiểm soát | | | |
| | Bùi Tiến Vương | 37.894.577 | 15.000.000 | 1.250.000 |
| | Nguyễn thị Thu Hương | 37.894.577 | 8.000.000 | 670.000 |
| | Trần Quang Tiến | 37.894.577 | 5.000.000 | 400.000 |
| | | | | |
| 3 | Ban điều hành | | | |
| | Ông Nguyễn Xuân Quang | | 36.000.000 | 3.000.000 |
| | Bà Trương Hồng Loan | | 35.000.000 | 2.900.000 |
| | Ông Nguyễn Văn Khang | | 32.000.000 | 2.700.000 |
| | Ông Nguyễn Sỹ Phong | | 29.000.000 | 2.400.000 |
| | Ông Phạm Thanh Quảng | | 22.500.000 | 1.875.000 |
| | Ông Đới Hùng Cường | | 28.900.000 | 2.400.000 |
| | Ông Lê Văn Vinh | | 20.500.000 | 1.700.000 |

Đơn vị tính: triệu đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO**

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CƯỜNG THUẬN IDICO**

MỤC LỤC

----- oOo -----

| | Trang |
|--|-------|
| 1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 01-03 |
| 2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 04 |
| 3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 05-08 |
| 4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 09 |
| 5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 10-11 |
| 6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 12-44 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Hội đồng Quản trị trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty"), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 ngày 19/9/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 20/8/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 14/10/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 21/4/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 11/5/2011, thay đổi lần thứ sáu ngày 09/8/2013, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét: gia công chế biến đất, đá, cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

Mã chứng khoán niêm yết: CTI

Trụ sở chính: số 168 khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất:

Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động hợp nhất trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng Quản trị

| | |
|-----------------------|--|
| Bà TRƯƠNG HỒNG LOAN | Người đại diện theo pháp luật đến hết ngày 08/8/2013 Chủ tịch HĐQT đến ngày 27/2/2013 |
| Ông TRẦN NHƯ HOÀNG | Chủ tịch hội đồng quản trị - kể từ ngày 27/2/2013 |
| Ông NGUYỄN XUÂN QUANG | Thành viên - đại diện theo pháp luật kể từ ngày 09/8/2013 |
| Ông NGUYỄN VĂN KHANG | Thành viên |
| Ông NGUYỄN SỸ PHONG | Thành viên |
| Ông PHẠM THẾ TÔ | Thành viên |
| Ông NGUYỄN VĂN THUY | Thành viên |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Ban Kiểm soát

| | |
|--------------------|------------|
| Ông ĐOÀN NGỌC MINH | Trưởng ban |
| Ông VŨ TIẾN DŨNG | Thành viên |
| Bà LÊ THỊ HẢI YẾN | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

| | |
|-------------------------|---|
| Ông TRẦN NHƯ HOÀNG | Tổng Giám Đốc - đến ngày 27/2/2013 |
| Ông NGUYỄN XUÂN QUANG | Tổng Giám Đốc - kể từ ngày 27/2/2013 |
| Bà TRƯƠNG HỒNG LOAN | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông NGUYỄN SỸ PHONG | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông NGUYỄN VĂN KHANG | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông ĐOÍ HÙNG CƯỜNG | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông PHẠM THANH QUẢNG | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông LÊ VĂN TRƯỜNG | Giám đốc tài chính - kể từ ngày 23/7/2013 |
| Ông LÊ VĂN VINH | Kế toán trưởng - đến ngày 10/02/2014 |
| Bà NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM | Kế toán trưởng - kể từ ngày 12/02/2014 |

4. Các thông tin khác

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã chính thức thay đổi và bổ nhiệm kế toán trưởng mới theo quyết định bổ nhiệm số 07/QĐ-CTC ngày 12 tháng 02 năm 2014. Bà Nguyễn Thị Hồng Thẩm chính thức giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 12/02/2014 thay cho ông Lê Văn Vinh và là người được Công ty ủy quyền làm "Người công bố thông tin" của Công ty kể từ ngày 28/02/2014.

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 29 tháng 3 năm 2014

Thay mặt Hội đồng Quản trị



TRẦN NHƯ HOÀNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 11.13.676-HN/AISC-DN2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO và các công ty con (dưới đây gọi chung là "Công ty"), được lập ngày 08/3/2014, từ trang 5 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

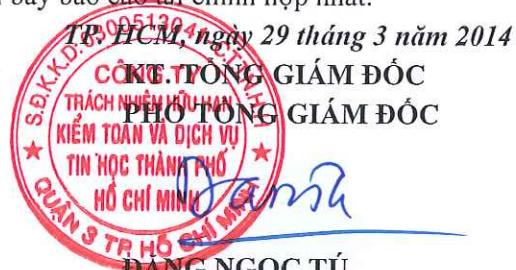
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO và các công ty con tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

DƯƠNG THỊ PHƯƠNG ANH
Số GCNĐKHNKT: 0321-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



DƯƠNG NGỌC TỬ
Số GCNĐKHNKT: 0213-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Pham Hung St, Cau Giay Dist, Ha Noi

Branch in Da Nang : 36 Ha Huy Tap St, Thanh Khe Dist, Da Nang

Representative in Can Tho : 5D, 30/4 St. - Ninh Kiều Dist - Can Tho City

Representative in Hai Phong : '18 Hoàng Văn Thụ St, Hong Bang Dist, Hai Phong

Tel : (04) 3782 0045 /46 /47 Fax : (04) 3782 0048

Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620

Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765

Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscvt@dng.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|--------------|--------------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150) | 100 | | 514.827.070.662 | 455.908.799.938 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 170.635.091.926 | 19.778.199.094 |
| 1. Tiền | 111 | | 170.635.091.926 | 19.778.199.094 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 122 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 154.388.029.067 | 228.089.864.965 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.02 | 70.097.591.769 | 96.393.448.694 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.03 | 75.076.837.666 | 127.326.257.157 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.04 | 17.373.980.235 | 7.620.811.563 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.05 | (8.160.380.603) | (3.250.652.449) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.06 | 168.090.163.067 | 200.903.232.959 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 168.090.163.067 | 200.903.232.959 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 21.713.786.602 | 7.137.502.920 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | - | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 16.953.424.960 | 2.641.981.803 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.07 | 4.760.361.642 | 4.495.521.117 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260+269) | 200 | | 1.230.484.914.175 | 717.611.002.284 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.095.660.729.684 | 683.384.096.985 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.08 | 111.501.605.683 | 110.754.912.932 |
| - Nguyên giá | 222 | | 251.121.844.352 | 226.297.977.917 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (139.620.238.669) | (115.543.064.985) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.09 | 23.535.857.275 | 31.221.245.129 |
| - Nguyên giá | 228 | | 84.908.838.182 | 83.670.838.182 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (61.372.980.907) | (52.449.593.053) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.10 | 960.623.266.726 | 541.407.938.924 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| - Nguyên giá | 241 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.11 | 10.343.581.298 | 8.018.390.068 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 6.593.581.298 | 4.418.390.068 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 3.750.000.000 | 3.600.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 124.480.603.193 | 26.208.515.231 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.12 | 115.693.874.199 | 24.319.583.493 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 8.786.728.994 | 1.888.931.738 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 263 | | - | - |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.745.311.984.837 | 1.173.519.802.222 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 1.515.273.429.252 | 958.776.750.102 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 654.606.281.718 | 485.037.146.617 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.13 | 347.495.379.106 | 314.328.839.836 |
| 2. Phải trả cho người bán | 312 | V.14 | 130.512.914.688 | 54.802.740.099 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.15 | 31.317.268.035 | 69.124.535.618 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.16 | 31.590.842.420 | 17.985.363.183 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 6.247.637.051 | 5.815.662.623 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.17 | 84.976.806.569 | 13.045.804.088 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 25.269.185.385 | 12.047.177.494 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | (2.803.751.536) | (2.112.976.324) |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 860.667.147.534 | 473.739.603.485 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.19 | 120.000.000.000 | 15.848.972.474 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.20 | 740.667.147.534 | 457.890.631.011 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) | 400 | | 175.925.286.209 | 173.232.019.005 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.21 | 175.925.286.209 | 173.232.019.005 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 10.194.388.098 | 9.537.781.581 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 4.247.989.856 | 4.247.989.856 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 8.436.499.730 | 8.436.499.730 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 3.035.288.098 | 998.627.411 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 421 | | 11.120.427 | 11.120.427 |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí, quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 433 | | - | - |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | 54.113.269.376 | 41.511.033.116 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.745.311.984.837 | 1.173.519.802.222 |

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|-------------|------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | | - | - |
| USD | | 243.58 | - |
| EUR | | 305.75 | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM



NGUYỄN XUÂN QUANG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|-----------|--------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.22 | 360.635.447.847 | 300.576.912.009 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.23 | 27.984.400 | 262.210.735 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.24 | 360.607.463.447 | 300.314.701.274 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.25 | 298.855.311.487 | 243.715.090.206 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11) | 20 | | 61.752.151.960 | 56.599.611.068 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.26 | 1.185.058.481 | 977.046.636 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.27 | 25.988.542.894 | 24.811.014.900 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 23.291.768.209 | 22.329.918.875 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.28 | 4.017.466.696 | 6.455.788.352 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.29 | 30.935.488.689 | 26.841.180.836 |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25) | 30 | | 1.995.712.162 | (531.326.384) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.30 | 4.326.079.103 | 4.960.513.609 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.31 | 4.319.972.490 | 2.563.382.197 |
| 13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 6.106.613 | 2.397.131.412 |
| 14. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | VI.32 | 49.555.968 | (131.609.932) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45) | 50 | | 2.051.374.743 | 1.734.195.096 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.33 | 6.526.336.613 | 2.412.168.889 |
| 17. (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | VI.34 | (6.897.797.256) | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 2.422.835.386 | |
| Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông thiểu số | 61 | | 103.207.515 | (31.855.304) |
| Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông của Công ty mẹ | 62 | | 2.319.627.871 | 1.242.813.249 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.36 | 155 | 83 |

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

NGUYỄN XUÂN QUANG



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 2.051.374.743 | 1.734.195.096 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản : | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 35.346.153.472 | 34.164.163.430 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 4.909.728.154 | 2.087.371.787 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 272.269.949 | 238.228.319 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | 2.968.971.901 | 411.050.637 |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 23.291.768.209 | 22.329.918.875 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 68.840.266.428 | 60.964.928.144 |
| - Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu | 09 | | 54.815.824.062 | (228.888.282.105) |
| - Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho | 10 | | 32.813.069.892 | (70.757.540.381) |
| - Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | 242.638.876.132 | 229.927.141.663 |
| - Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước | 12 | | (38.227.707.153) | (22.615.757.678) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (24.362.964.891) | (35.445.893.957) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | (6.200.000.000) | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | - | 65.300.000 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | (1.470.118.181) | (1.300.480.961) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 328.847.246.289 | (68.050.585.275) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | | (495.211.993.419) | (342.708.127.631) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | | 1.627.272.727 | 8.336.818.182 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác | 25 | | (150.000.000) | (6.439.726.027) |
| 6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia | 27 | | 473.581.391 | 162.725.237 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | 30 | | (493.261.139.301) | (340.648.310.239) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 31 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 32 | | - | - |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 33 | | 714.066.395.681 | 732.288.373.992 |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 34 | | (398.395.609.837) | (330.820.263.144) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 35 | | - | - |
| | 36 | | (400.000.000) | (14.886.026.476) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 315.270.785.844 | 386.582.084.372 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40) | 50 | | 150.856.892.832 | (22.116.811.142) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 19.778.199.094 | 41.895.010.236 |
| Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) | 70 | | 170.635.091.926 | 19.778.199.094 |

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

NGUYỄN XUÂN QUANG



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO ("Công ty"), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000423 ngày 19/9/2007, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 11/01/2008, thay đổi lần thứ hai ngày 20/8/2009, thay đổi lần thứ ba ngày 14/10/2009, thay đổi lần thứ tư ngày 21/4/2011, thay đổi lần thứ năm ngày 11/5/2011, thay đổi lần thứ sáu ngày 09/8/2013, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tên tiếng anh: CUONG THUAN IDICO DEVELOPMENT INVESTMENT CORPORATION

Tên viết tắt: CTC

Trụ sở chính: số 168 khu phố 11, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn: vốn cổ phần.

3. Hoạt động chính của Công ty:

Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; thi công công trình điện dân dụng và công nghiệp; san lấp mặt bằng; vận tải hàng hoá đường bộ; gia công chế biến đất, đá và cát (không gia công chế biến tại trụ sở); kinh doanh bất động sản; mua bán vật liệu xây dựng; mua bán và cho thuê máy móc và thiết bị công trình; sản xuất và gia công các sản phẩm cơ khí và vật liệu bê tông (không sản xuất và gia công tại trụ sở); kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, khách sạn; sản xuất mua bán các loại ống cống bê tông cốt thép theo công nghệ quay ép, ly tâm, và bê tông nhựa nóng (không sản xuất tại trụ sở); đại lý mua bán bia rượu, nước giải khát; kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở). Dịch vụ quảng cáo.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

Tình hình thi công xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển năm nay tăng mạnh, chủ yếu là chi phí cho dự án đầu tư xây dựng tuyến quốc lộ 1A đoạn tránh thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo phương thức BOT. Do đây là công trình trọng điểm trong khu vực nên Công ty tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành của dự án.

5. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2013: 463 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2012: 465 nhân viên)

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

| Tên Công ty | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Tỷ lệ lợi ích của Công ty theo GCNĐKKD | Tỷ lệ % quyền biểu quyết |
|-----------------------------------|---|-----------------|--|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đồng Thuận | - Đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. | 258.000.000.000 | 52,73% | 52,73% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một (01) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

| Tên Công ty | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Tỷ lệ lợi ích của Công ty theo GCNĐKKD | Tỷ lệ % quyền biểu quyết |
|---|--|----------------|--|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Khai thác và Kinh doanh VLXD IDICO Đồng Nai | - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (khai thác cát ngoài tỉnh). - Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng từ đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. - Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. | 60.000.000.000 | 48,18% | 60,00% |

7. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có một (01) công ty liên kết như sau:

| Tên Công ty | Hoạt động chính | Vốn điều lệ | Tỷ lệ lợi ích của Công ty theo GCNĐKKD | Tỷ lệ % quyền biểu quyết |
|--|--|----------------|--|--------------------------|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thuận Phát | Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi; sản xuất bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng... | 20.000.000.000 | 35,00% | 35,00% |

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các thông tư sửa đổi bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền hợp nhất của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây:

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45") có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng từ năm tài chính năm 2013. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Công ty đã áp dụng Thông tư 45 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

2. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính:

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty kể từ ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con và sẽ không được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát này thật sự chấm dứt.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Công ty áp dụng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế là giá thành thực tế của tài sản cố định tự xây dựng hoặc tự chế, cộng (+) chi phí lắp đặt, chạy thử. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm do mình sản xuất ra để chuyển thành tài sản cố định thì nguyên giá là chi phí sản xuất sản phẩm đó cộng (+) các chi phí trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong các trường hợp trên, mọi khoản lãi nội bộ không được tính vào nguyên giá của tài sản đó.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình hình thành từ việc trao đổi thanh toán bằng chứng từ liên quan đến quyền sở hữu vốn của đơn vị, nguyên giá tài sản cố định vô hình là giá trị hợp lý của các chứng từ được phát hành liên quan đến quyền sở hữu vốn.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là quyền thu phí tính lộ 16

Giá trị quyền thu phí tính lộ 16 là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để có được quyền thu phí tính lộ 16.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc

8 - 20 năm

Máy móc, thiết bị

3 - 15 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

6 - 10 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 8 năm

Quyền thu phí tính lộ 16

8 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình

Thời hạn tối đa 20 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết: được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của cơ sở này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các dự án hay đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Nếu không xác định được giá thị trường của chứng khoán thì không trích lập dự phòng

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí công cụ dụng cụ, máy móc và chi phí sửa chữa tài sản, chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16, chi phí dự án khai thác đá Phước Tân- Tân Cang 8, chi phí dự án khai thác mỏ đá Bình Lợi, Thiện Tân, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Chi phí dự án khai thác đá được phân bổ theo thời gian khai thác mỏ đá. Riêng giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 của Thông tư 45 được phân bổ không quá 3 năm.

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại:

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản khoản nợ tiềm tàng có thể gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì khoản chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 (mười) năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả liên quan đến các công trình xây dựng đã hoàn thành ghi nhận doanh thu nhưng chưa tích lũy đủ giá vốn, các chi phí phải trả khác.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

15. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thu nhập chịu thuế của Công ty CP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận IDICO chịu các mức thuế suất khác nhau:

Thu nhập từ hoạt động sản xuất công, gói công, bê tông nhựa nóng các loại mức thuế suất là 25%.

Thu nhập từ hoạt động xây lắp và dịch vụ khác mức thuế suất là 25%.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào cuối kỳ báo cáo.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá của Ngân hàng TM CP Sài Gòn công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tỷ giá quy đổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.080 VND/USD, 28.992 VND/EUR.

Trong năm, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179"), và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS10") sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất.

Ảnh hưởng đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nếu Công ty áp dụng VAS 10 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là không trọng yếu cho toàn bộ báo cáo.

21. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (thông tư 210), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và nợ phải trả tài chính khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan đến bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác. Một lĩnh vực kinh doanh không bao gồm các sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Có những điểm không tương đồng với một hoặc vài nhân tố trong định nghĩa bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nhưng các sản phẩm, dịch vụ trong một lĩnh vực kinh doanh phải tương đồng phần lớn nhân tố.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Một khu vực địa lý không bao gồm các hoạt động trong môi trường kinh tế có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể. Một khu vực địa lý có thể là một quốc gia, hai hay nhiều quốc gia hoặc một, hai hay nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--------------------|------------------------|-----------------------|
| Tiền | 170.635.091.926 | 19.778.199.094 |
| Tiền mặt | 145.317.072.747 | 1.764.483.313 |
| Tiền gửi ngân hàng | 20.955.507.179 | 18.013.715.781 |
| Tiền đang chuyển | 4.362.512.000 | - |
| Cộng | 170.635.091.926 | 19.778.199.094 |

2. Phải thu của khách hàng

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Khách hàng trong nước | 70.097.591.769 | 96.393.448.694 |
| <i>Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam</i> | 10.361.836.023 | - |
| <i>CTy CP Công trình Giao thông Đồng Nai</i> | 6.532.128.853 | 17.493.684.964 |
| <i>CTy MTV PTĐT & KCN IDICO</i> | 8.084.097.849 | 31.738.466.309 |
| <i>Cty CP PT Đường Cao Tốc BH Vũng Tàu</i> | 19.503.006.224 | 7.686.974.119 |
| <i>Phải thu khách hàng trong nước khác</i> | 25.616.522.820 | 39.474.323.302 |
| Khách hàng nước ngoài | - | - |
| Cộng | 70.097.591.769 | 96.393.448.694 |

3. Trả trước cho người bán (xem trang 23)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trả trước cho người bán

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|-----------------------|------------------------|
| Nhà cung cấp trong nước | 75.076.837.666 | 127.326.257.157 |
| Cty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trần Minh | 3.065.392.002 | - |
| Hợp tác xã An Phát | 2.345.117.000 | - |
| Trả trước tiền mua đất cho Nguyễn Xuân Hòa | 14.150.793.579 | 14.150.793.579 |
| Trả trước tiền mua đất cho Nguyễn Khánh Vinh | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| Trả trước tiền mua đất cho bà Trương Hồng Loan | 16.408.000.000 | 26.208.000.000 |
| Trả trước tiền mua đất cho bà Phạm Mai Thu | 3.457.300.000 | 3.457.300.000 |
| Trả trước Cty TNHH MTV PT Đô Thị và KCN IDICO | 4.923.765.534 | 11.894.279.314 |
| Trả trước Cty CP Khoan và Xây Lắp Cấp Thoát Nước | - | 3.430.697.065 |
| Trả trước Cty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà | 1.175.000.000 | 1.050.000.000 |
| Trả trước Cty CP ĐT PT Nhà và Đô thị IDICO | 2.292.639.986 | 2.635.065.145 |
| Trả trước nhà cung cấp trong nước khác | 12.258.829.565 | 49.500.122.054 |
| Nhà cung cấp nước ngoài | - | - |
| Cộng | 75.076.837.666 | 127.326.257.157 |

4. Các khoản phải thu khác

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|-----------------------|----------------------|
| Phải thu tạm chi thù lao Ban kiểm soát | 878.043.907 | 805.504.598 |
| Phải thu Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát | 5.007.846.575 | - |
| Phải thu Công ty TNHH TV TK XD Trần Minh | - | 500.000.000 |
| Phải thu của HĐBT Biên Hòa (Khu tái định cư Phước Tân). | 367.938.000 | 2.047.375.000 |
| Phải thu của HĐBT Biên Hòa (Dự án tuyến tránh QL1) | 6.109.733.573 | - |
| Phải thu của HĐBT Trảng Bom (Dự án tuyến tránh QL1) | 1.272.394.004 | - |
| Phải thu khác | 3.738.024.176 | 4.267.931.965 |
| Cộng | 17.373.980.235 | 7.620.811.563 |

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 3.250.652.449 | 1.163.280.662 |
| Số dự phòng trong năm | 4.909.728.154 | 2.087.371.787 |
| Số dư cuối năm | 8.160.380.603 | 3.250.652.449 |

6. Hàng tồn kho

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------|------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 11.391.757.192 | 13.256.927.024 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.106.775.410 | 913.956.095 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 137.945.793.149 | 158.018.533.145 |
| Thành phẩm | 17.191.881.326 | 28.138.257.512 |
| Hàng hoá | 453.955.990 | 575.559.183 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 168.090.163.067 | 200.903.232.959 |
| (-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | - |
| Cộng giá trị thuần hàng tồn kho | 168.090.163.067 | 200.903.232.959 |

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

7. Tài sản ngắn hạn khác

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| Tạm ứng | 4.450.785.642 | 4.449.861.117 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 309.576.000 | 45.660.000 |
| Cộng | 4.760.361.642 | 4.495.521.117 |

8. Tài sản cố định hữu hình (xem trang 25)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị dụng cụ quản lý | Tài sản cố định hữu hình khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 9.514.740.661 | 116.590.904.533 | 51.790.985.959 | 4.143.775.516 | 44.257.571.248 | 226.297.977.917 |
| Mua trong kỳ | - | 18.987.653.697 | 12.064.407.016 | 445.651.591 | - | 31.497.712.304 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (340.909.091) | (4.112.418.182) | - | - | (4.453.327.273) |
| Giảm theo Thông tư 45 | - | (626.809.543) | (39.272.727) | (316.436.326) | - | (982.518.596) |
| Giảm khác | - | - | - | (1.238.000.000) | - | (1.238.000.000) |
| Số dư cuối năm | 9.514.740.661 | 134.610.839.596 | 59.703.702.066 | 3.034.990.781 | 44.257.571.248 | 251.121.844.352 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | | |
| Số dư đầu kỳ | 3.825.906.142 | 71.506.691.413 | 20.289.933.458 | 844.628.425 | 19.075.905.547 | 115.543.064.985 |
| Khấu hao trong kỳ | 691.342.752 | 13.864.477.036 | 7.031.445.818 | 532.003.124 | 4.471.142.719 | 26.590.411.449 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (146.780.288) | (1.443.325.907) | - | - | (1.590.106.195) |
| Giảm theo Thông tư 45 | - | (511.699.911) | (16.909.074) | (226.876.754) | - | (755.485.739) |
| Giảm khác | - | - | - | (167.645.831) | - | (167.645.831) |
| Số dư cuối kỳ | 4.517.248.894 | 84.712.688.250 | 25.861.144.295 | 982.108.964 | 23.547.048.266 | 139.620.238.669 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.688.834.519 | 45.084.213.120 | 31.501.052.501 | 3.299.147.091 | 25.181.665.701 | 110.754.912.932 |
| Số dư cuối năm | 4.997.491.767 | 49.898.151.346 | 33.842.557.771 | 2.052.881.817 | 20.710.522.982 | 111.501.605.683 |

* Giá trị còn lại của TSCĐ cuối năm đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay (bao gồm TSCĐVH): 99.809.980.538 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 27.138.614.302 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Quyền thu phí tính lộ 16 | Phần mềm máy vi tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 83.670.838.182 | - | 83.670.838.182 |
| Tăng khác | - | - | 1.238.000.000 | 1.238.000.000 |
| Số dư cuối năm | - | 83.670.838.182 | 1.238.000.000 | 84.908.838.182 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 52.449.593.053 | - | 52.449.593.053 |
| Khấu hao trong năm | - | 8.755.742.023 | - | 8.755.742.023 |
| Tăng khác | - | - | 167.645.831 | 167.645.831 |
| Số dư cuối năm | - | 61.205.335.076 | 167.645.831 | 61.372.980.907 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | - | 31.221.245.129 | - | 31.221.245.129 |
| Số dư cuối năm | - | 22.465.503.106 | 1.070.354.169 | 23.535.857.275 |

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định | 7.272.727.273 | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho các dự án: | 953.350.539.453 | 541.407.938.924 |
| + Chi phí dự án khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8 | 271.029.042 | 16.900.166.691 |
| + Chi phí xây dựng cảng Cogido | 979.298.129 | 944.978.855 |
| + Chi phí xây dựng trạm Bê tông nhựa nóng (Tây Ninh) | 1.322.719.800 | - |
| + Chi phí xây dựng trạm Bê tông nhựa nóng Tân Cang 8 | 677.563.248 | - |
| + Chi phí dự án khai thác đá Đồi Chùa | 1.505.635.780 | 30.379.364.143 |
| + Chi phí dự án khai thác đá Bình Lợi, Vĩnh Cửu | 18.339.170.968 | 15.561.789.150 |
| + Tuyến Quốc lộ 1A (đoạn tránh Tp. Biên Hòa). | 731.651.499.198 | 395.454.351.143 |
| + Khu Tái định cư tại xã Bình Minh. | 123.085.902.857 | 52.241.492.898 |
| + Khu Tái định cư tại xã Phước Tân. | 74.664.206.635 | 29.089.797.248 |
| + Khu Dân cư tại xã Phước Tân. | 853.513.796 | 835.998.796 |
| Cộng | 960.623.266.726 | 541.407.938.924 |

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (xem trang 27)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2013 | | 01/01/2013 | |
|---|----------------|-----------------------|----------------|----------------------|
| | Số lượng | Giá trị đầu tư | Số lượng | Giá trị đầu tư |
| Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh | 455.000 | 6.593.581.298 | 455.000 | 4.418.390.068 |
| Cty CP ĐT Việt | | | | |
| (a) Thuận Phát | 455.000 | 6.593.581.298 | 455.000 | 4.418.390.068 |
| Đầu tư dài hạn khác | 240.000 | 3.750.000.000 | 240.000 | 3.600.000.000 |
| Đầu tư cổ phiếu | 240.000 | 2.400.000.000 | 240.000 | 2.400.000.000 |
| Cty Lắp máy điện | | | | |
| (b) nước IDICO | 240.000 | 2.400.000.000 | 240.000 | 2.400.000.000 |
| Đầu tư dài hạn khác | - | 1.350.000.000 | - | 1.200.000.000 |
| Cty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản | | | | |
| (c) VLXD - UDICO | | 1.350.000.000 | | 1.200.000.000 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | - | | - |
| Cộng | 695.000 | 10.343.581.298 | 695.000 | 8.018.390.068 |

(a) Thuyết minh khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 28/02/2013 của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 7 tỷ đồng chiếm 35% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát là 20 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát hoạt động kinh doanh có lãi.

(b) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty CP Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO, Công ty CP ĐTPT Cường Thuận IDICO đăng ký số vốn góp là 2,4 tỷ đồng chiếm 3% tổng số vốn điều lệ của Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO là 80 tỷ đồng.

Năm 2013, Công ty CP ĐTXD Lắp máy Điện nước IDICO hoạt động có lãi.

(c) Thuyết minh khoản đầu tư dài hạn khác - Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD - UDICO:

Công ty CP Đầu Tư Đồng Thuận ("Công ty con") đầu tư vào Cty CP Đầu tư Khai thác Khoáng sản VLXD - UDICO với tỷ lệ vốn góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 15% tương đương 3.000.000.000 VND. Đến ngày 31/12/2013 đã góp được 1.350.000.000 VND.

Năm 2013 Cty CP ĐT Khai thác VLXD - UDICO vẫn đang trong giai đoạn đầu tư XDCB dở dang.

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư: Tăng do Công ty góp vốn theo tiến độ đầu tư.

12. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------------------|-----------------------|
| Chi phí trả trước dài hạn | 115.693.874.199 | 24.319.583.493 |
| Công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 2.071.854.768 | 431.566.686 |
| Chi phí sửa chữa TSCĐ | 2.959.472.493 | 527.606.624 |
| Chi phí xây tháp đồng hồ quảng cáo tại Ngã tư Hàng xanh | - | 277.777.780 |
| Phần mềm giám sát hệ thống xe vận tải | 130.208.335 | - |
| Chi phí trùng tu mặt đường tỉnh lộ 16 | 21.233.406.072 | 22.866.745.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác (tiếp theo)

| | | |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí dự án khai thác đá Phước Tân - Tân Cang 8 | 48.483.307.463 | - |
| Giá trị còn lại của các TSCĐ không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá | 134.256.468 | - |
| Chi phí mỏ đá Bình Lợi | 107.789.000 | 72.200.000 |
| Chi phí mỏ đá Đồi Chùa | 40.573.579.600 | - |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | - | 143.687.403 |
| Cộng | 115.693.874.199 | 24.319.583.493 |

13. Vay và nợ ngắn hạn

| Vay ngắn hạn | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------|------------------------|
| Vay Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (d) | 99.664.596.497 | 108.782.136.045 |
| Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (e) | - | 41.243.196.559 |
| Vay Ngân hàng Vietcombank (f) | 14.990.358.247 | 29.999.411.620 |
| Nguồn tạm ứng từ kho bạc nhà nước trung ương (g) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 |
| Vay cá nhân ông Nguyễn Thanh Tuấn | 2.000.000.000 | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 170.840.424.362 | 74.304.095.612 |
| Cộng | 347.495.379.106 | 314.328.839.836 |

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

(d) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch

Vay ngắn hạn NH Công Thương Nhơn Trạch theo hợp đồng vay số 03090239/HĐTD, ngày 15/06/2013, hạn mức tín dụng 100 tỷ, hạn mức tín dụng này bao gồm dư nợ cũ của Hợp đồng tín dụng số 03120070/HĐTD ngày 24/05/2012, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân tối đa 09 tháng. Lãi suất bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm 09 tháng + biên độ 4,50%/năm. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 149, 150 phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai; thửa đất số 438, 282, 758, 759, 760, 439, 440, 441 xã Phước Tân, huyện Long Thành, Đồng Nai và một số máy móc thiết bị, phương tiện vận tải trong phụ lục tài sản đảm bảo được đính kèm theo hợp đồng.

(e) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)

Vay ngắn hạn NH TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo "Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung" số VNMI01991, ngày 15/12/2010. Lãi suất bằng lãi suất cho vay cơ bản của thời hạn tương ứng cộng với 1,5%/năm. Tài sản thế chấp là Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu và quyền sử dụng đất.

(f) Thuyết minh các khoản nợ vay ngắn hạn Ngân hàng Vietcombank

Vay ngắn hạn NH Vietcombank theo hợp đồng vay số 2013056/HMI/KHDN, ngày 03/09/2013, hạn mức tín dụng 15 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, với thời hạn cho vay cụ thể mỗi lần giải ngân từ 8 -10 tháng. Lãi suất được qui định theo từng giấy nhận nợ, lãi suất được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí hình thành trong tương lai của dự án.

(g) Thuyết minh các khoản vay từ Nguồn tạm ứng Kho bạc Nhà nước Trung ương:

Sở Tài Chính Đồng Nai cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cường Thuận tạm ứng 60.000.000.000 VND từ Nguồn Kho bạc Nhà nước Trung ương theo Hợp đồng Tạm ứng số 2889/HĐ-STC ngày 21/8/2012 với phí tạm ứng là 0,15%/tháng (được tính theo số ngày trong tháng). Mục đích sử dụng tiền tạm ứng là để thực hiện dự án hạ tầng khu tái định cư tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom và tại xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------|-----------------------|
| 14. Phải trả người bán | | |
| Nhà cung cấp trong nước | 130.512.914.688 | 54.802.740.099 |
| Cty TNHH Nhựa Đường PUMA ENERGY Việt Nam | 6.272.072.600 | 504.900.000 |
| Cty CP TM và XNK VT Giao Thông (nhựa) | 6.537.016.082 | 4.581.811.700 |
| Cty ĐT XD Và TM Quốc Tế ICT | 6.956.500.100 | - |
| CTy CP Địa chất & MT Miền Đông | 8.416.043.167 | 279.618.074 |
| Cty CP ĐT Việt Thuận Phát | 19.633.968.797 | - |
| Phải trả Cty TNHH MTV PT Đô Thị và KCN IDICO | 8.096.591.285 | 3.601.307.411 |
| Phải trả Cty TNHH An Lộc | 4.000.000.000 | - |
| Phải trả Cty TNHH Tiền Phong 1 | 2.006.019.688 | 246.714.586 |
| Phải trả Cty CP khoan và Xây lắp cấp thoát nước | 4.548.108.782 | - |
| Phải trả Cty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Trần Minh | 1.580.000.000 | - |
| Phải trả Cty TNHH Cường Hưng | 2.805.000.000 | - |
| Phải trả nhà cung cấp trong nước khác | 59.661.594.187 | 45.588.388.328 |
| Cộng | 130.512.914.688 | 54.802.740.099 |
| 15. Người mua trả tiền trước | | |
| Khách hàng trong nước | 31.317.268.035 | 69.124.535.618 |
| Ban QLDA Giao Thông Tây Ninh | 4.764.126.000 | 15.321.422.000 |
| CTy CPĐT Sài Gòn VRG | 15.359.818.710 | 23.891.545.972 |
| Người mua trả tiền trước khác | 11.193.323.325 | 29.911.567.646 |
| Cộng | 31.317.268.035 | 69.124.535.618 |
| 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 20.814.133.339 | 9.593.484.953 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 7.552.814.704 | 7.226.478.091 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.173.273.408 | 1.090.993.590 |
| Các loại thuế khác | 1.050.620.969 | 74.406.549 |
| Cộng | 31.590.842.420 | 17.985.363.183 |
| 17. Chi phí phải trả | | |
| Chi phí lãi vay | - | 210.937.538 |
| Trích trước phí duy tu, trùng tu tính lộ 16 | 1.368.393.244 | 138.306.378 |
| Trích trước CP đường 14 | - | 5.473.772.309 |
| Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 01; 02; 03 và 04 | 26.494.863.026 | 5.362.794.648 |
| Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 07 và 08 | 32.934.775.589 | 1.149.989.141 |
| Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 01 - Gói điện toàn tuyến | 1.879.027.386 | - |
| Trích trước CP đường tránh hợp đồng số 15 - Cầu vượt đường sắt | 5.498.240.397 | - |
| Trích trước CP khu tái định cư Bình Minh, hợp đồng số 07, gói 01 | 5.638.650.121 | - |
| Trích trước CP khu tái định cư Phước Tân, hợp đồng số 03, gói 02 | 5.225.773.880 | - |
| Trích trước CP đường 769 | 3.059.995.795 | - |
| Trích trước CP lãi vay tuyến tránh QL1A và các khu tái định cư | 2.107.758.832 | - |
| Chi phí phải trả khác | 769.328.299 | 710.004.074 |
| Cộng | 84.976.806.569 | 13.045.804.088 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| 18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Kinh phí công đoàn | 200.593.855 | 136.288.740 |
| Bảo hiểm xã hội | 253.934.417 | 878.619.138 |
| Bảo hiểm y tế | 46.866.725 | 46.415.111 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | 1.091.836 | 19.981.742 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác (h) | 24.766.698.552 | 10.965.872.763 |
| Cộng | 25.269.185.385 | 12.047.177.494 |

(h) Trong đó:

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| + Mượn tiền Bà Trương Hồng Loan | 4.090.500.000 | - |
| + Mượn tiền Ông Nguyễn Sỹ Phong | 190.000.000 | - |
| + Tiền cổ tức niên độ 2011 chưa trả | 1.290.260.000 | 1.730.260.000 |
| + Nợ Công ty CP ĐT.XD&TM Việt Cường Phát | - | 2.326.161.842 |
| + Mượn tiền cá nhân khác | - | 615.720.000 |
| + Phải trả Công ty Tân Cảng Sài Gòn | 12.028.000.000 | 5.376.000.000 |
| + Các khoản phải trả khác | 7.167.938.552 | 917.730.921 |
| Cộng | 24.766.698.552 | 10.965.872.763 |

| 19. Phải trả dài hạn khác | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Huy động vốn từ các chủ sở hữu để thực hiện Dự án BOT QL91 | 120.000.000.000 | - |
| Phải trả dài hạn khác | - | 15.848.972.474 |
| Cộng | 120.000.000.000 | 15.848.972.474 |

Thuyết minh khoản huy động vốn từ các chủ sở hữu để thực hiện Dự án BOT QL91:

Trong năm 2013, Công ty thực hiện việc huy động thêm vốn từ các chủ sở hữu Công ty nhằm thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 91 đoạn Km14+000 - Km50+ 889 theo hình thức hợp đồng BOT được khởi công năm 2014.

| 20. Vay và nợ dài hạn | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn | 740.667.147.534 | 457.890.631.011 |
| Vay Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch (i) | 695.162.609.730 | 423.215.162.455 |
| Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn- PGD Củ Chi (j) | 761.040.000 | 7.710.242.084 |
| Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (k) | 810.277.804 | 1.247.222.238 |
| Vay Ngân hàng Vietcombank (l) | 22.517.500.000 | - |
| Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Đồng Nai | 1.673.000.000 | - |
| Vay Bà Trương Hồng Loan (n) | 18.500.000.000 | - |
| Vay Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai (m) | - | 25.718.004.234 |
| Vay Ngân hàng Công thương KCN Biên Hòa | 1.242.720.000 | - |
| Vay dài hạn NH TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi bao gồm tiền VND và ngoại tệ, chi tiết ngoại tệ: | | |
| Vay ngoại tệ gốc USD | 16,365.00 | 40,875.00 |
| Vay ngoại tệ gốc Euro | 129,722.00 | 129,412.00 |
| Cộng | 740.667.147.534 | 457.890.631.011 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**Thuyết minh các khoản nợ vay ngân hàng****(i) Thuyết minh các khoản nợ vay dài hạn Ngân hàng Công thương Nhơn Trạch**

Công ty CP ĐT PT Cường Thuận IDICO vay từ Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch, của 11 hợp đồng vay, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Riêng Hợp đồng số 23070703 vay để mua đất mỏ đá, nhận nợ ngày 22/06/2011 được ân hạn một năm đầu tiên, sang đến quý 2/2013 mới bắt đầu trả nợ gốc. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

Công ty CP Đầu Tư Đồng Thuận vay từ Ngân hàng Công Thương Nhơn Trạch, của 03 hợp đồng vay, 01 hợp đồng với lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm + biên độ 4,5%/năm (không quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam + biên độ 2%/năm); và 01 hợp đồng với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm + biên độ 5%/năm. Tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng BOT - tuyến tránh Quốc lộ 1A, toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của toàn bộ dự án đầu tư Khu tái định cư xã Bình Minh, huyện Trảng Bom và phần bàn giao lại cho Thành phố thuộc Khu tái định cư tại xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa theo Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai.

(j) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Củ Chi của hợp đồng vay số 08/HĐTD/SCB (trong đó có 06 khoản bằng Euro và 01 khoản bằng USD). Lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5% (không quá 15%/năm). Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(k) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà nội

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà nội, của 04 hợp đồng vay, lãi suất trong hạn theo thông báo của Ngân hàng SHB tại thời điểm giải ngân, được thay đổi 03 tháng/01 lần theo thông báo của NH SHB, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vay.

(l) Thuyết minh các khoản nợ vay Ngân hàng Vietcombank

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Vietcombank của 3 hợp đồng vay, Lãi suất được qui định theo từng giấy nhận nợ, được điều chỉnh theo thị trường tại ngày đầu tiên của mỗi quý. Tài sản thế chấp là quyền thu phí, máy móc tiết bị và tài sản hình thành từ khoản vay.

(m) Thuyết minh các khoản nợ vay Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai

Mức vốn cho vay là 60.000.000.000 VND, lãi suất vay trong hạn là 10,2% và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn. Thời gian bắt đầu vay từ tháng 12/2011 và trả 01 lần vào cuối kỳ (tháng 12/2014). Mục đích sử dụng tiền vay là đầu tư xây dựng khu tái định cư tại xã Bình Minh, huyện Trảng Bom. Tài sản bảo đảm hình thành trong tương lai là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của toàn bộ dự án đầu tư theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 12070777/HĐTC ngày 25/11/2011.

Thuyết minh các khoản nợ vay cá nhân**(n) Khoản vay Bà Trương Hồng Loan gồm có các hợp đồng vay sau:**

Khoản vay cá nhân Bà Trương Hồng Loan, của hợp đồng vay ngày 23/05/2013, thời gian cho vay là 36 tháng, lãi suất 10%/năm.

21. Vốn chủ sở hữu (xem trang 32)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

| Khoản mục | Vốn góp | Thặng dư vốn cổ phần | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Nguồn vốn XDCB | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|-----------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------------|---------------------------|-------------------|--------------------------------------|------------------|
| Số dư đầu năm trước | 150.000.000.000 | 8.468.567.877 | - | 4.247.989.856 | 8.436.499.730 | 11.120.427 | 16.584.338.987 | 187.748.516.877 |
| Tăng vốn | - | 1.069.213.704 | - | - | - | - | - | 1.069.213.704 |
| Lợi nhuận | - | - | - | - | - | - | 1.242.813.249 | 1.242.813.249 |
| Trích lập quỹ | - | - | - | - | - | - | (1.115.408.019) | (1.115.408.019) |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | (15.000.000.000) | (15.000.000.000) |
| Giảm khác | - | - | - | - | - | - | (713.116.806) | (713.116.806) |
| Số dư cuối năm trước | 150.000.000.000 | 9.537.781.581 | - | 4.247.989.856 | 8.436.499.730 | 11.120.427 | 998.627.411 | 173.232.019.005 |
| Số dư đầu năm nay | 150.000.000.000 | 9.537.781.581 | - | 4.247.989.856 | 8.436.499.730 | 11.120.427 | 998.627.411 | 173.232.019.005 |
| Tăng vốn | - | 656.606.517 | - | - | - | - | - | 656.606.517 |
| Lợi nhuận | - | - | - | - | - | - | 2.319.627.871 | 2.319.627.871 |
| Trích lập quỹ | - | - | - | - | - | - | (34.396.378) | (34.396.378) |
| Giảm khác (*) | - | - | - | - | - | - | (248.570.806) | (248.570.806) |
| Số dư cuối năm nay | 150.000.000.000 | 10.194.388.098 | - | 4.247.989.856 | 8.436.499.730 | 11.120.427 | 3.035.288.098 | 175.925.286.209 |

(*) Giảm khác gồm:

+ Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát năm 2012:

248.570.806

Cộng

248.570.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ vốn góp | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|---|----------------|------------------------|------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước (Tổng công ty IDICO) | 4,67% | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Vốn góp của các nhà đầu tư khác | 95,33% | 143.000.000.000 | 143.000.000.000 |
| Cộng | 100,00% | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| <i>Vốn góp đầu năm</i> | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| <i>Vốn góp tăng trong năm</i> | - | - |
| <i>Vốn góp giảm trong năm</i> | - | - |
| <i>Vốn góp cuối năm</i> | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | - | - |

d. Cổ phiếu

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 15.000.000 | 15.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 15.000.000 | 15.000.000 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 15.000.000 | 15.000.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 15.000.000 | 15.000.000 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu. | 10.000 | 10.000 |

e. Các quỹ của doanh nghiệp

| | 31/12/2013 | 01/01/2013 |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 4.247.989.856 | 4.247.989.856 |
| Quỹ dự phòng tài chính | 8.436.499.730 | 8.436.499.730 |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB | 11.120.427 | 11.120.427 |
| Cộng | 25.391.220.026 | 12.695.610.013 |

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp và được sử dụng vào xử lý khi doanh nghiệp gặp rủi ro về kinh doanh hoặc thua lỗ kéo dài.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|------------------------|------------------------|
| 22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu bán thành phẩm công các loại | 37.742.532.532 | 97.045.957.469 |
| Doanh thu bán thành phẩm và dịch vụ mỏ đá | 27.794.042.242 | - |
| Doanh thu cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp | 264.375.699.437 | 164.351.815.449 |
| Doanh thu thu phí tính lệ 16 | 30.723.173.636 | 33.247.320.909 |
| Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất | - | 5.931.818.182 |
| Cộng | 360.635.447.847 | 300.576.912.009 |
| 23. Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| Hàng bán bị trả lại | 27.984.400 | 262.210.735 |
| Cộng | 27.984.400 | 262.210.735 |
| 24. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu thuần bán thành phẩm công các loại | 37.714.548.132 | 96.783.746.734 |
| Doanh thu thuần bán thành phẩm và dịch vụ mỏ đá | 27.794.042.242 | - |
| Doanh thu thuần cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp | 264.375.699.437 | 164.351.815.449 |
| Doanh thu thuần thu phí tính lệ 16 | 30.723.173.636 | 33.247.320.909 |
| Doanh thu thuần chuyển nhượng quyền sử dụng đất | - | 5.931.818.182 |
| Cộng | 360.607.463.447 | 300.314.701.274 |
| 25. Giá vốn hàng bán | | |
| Giá vốn bán công, đá các loại | 28.272.102.000 | 72.415.720.622 |
| Giá vốn bán thành phẩm đá và dịch vụ mỏ đá | 25.481.966.691 | - |
| Giá vốn cung cấp bê tông nhựa nóng, dịch vụ & xây lắp | 233.013.046.216 | 155.162.076.782 |
| Giá vốn hoạt động thu phí | 12.088.196.580 | 10.205.474.620 |
| Giá vốn quyền sử dụng đất | - | 5.931.818.182 |
| Cộng | 298.855.311.487 | 243.715.090.206 |
| 26. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 113.581.391 | 139.725.237 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 360.000.000 | 567.767.375 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 229.981.434 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 162.685.590 | 39.572.590 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | 548.791.500 | - |
| Cộng | 1.185.058.481 | 977.046.636 |
| 27. Chi phí tài chính | | |
| Lãi tiền vay | 23.411.434.005 | 22.329.918.875 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn | - | 195.195.000 |
| Phí bảo tồn vốn tự có tính lệ 16 | - | 2.008.100.116 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 134.053.234 | 277.800.909 |
| Lỗ hoạt động liên kết | 434.955.539 | - |
| Cộng | 25.988.542.894 | 24.811.014.900 |

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| 28. Chi phí bán hàng | | |
| Chi phí nhân viên | 1.619.878.393 | 1.855.142.294 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 57.291.665 | - |
| Chi phí bảo hành | 23.400.000 | 546.645.106 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.567.706.397 | 3.307.962.327 |
| Chi phí bằng tiền khác | 749.190.241 | 746.038.625 |
| Cộng | 4.017.466.696 | 6.455.788.352 |
| 29. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | |
| Chi phí nhân viên | 16.152.283.472 | 14.660.544.665 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 178.889.477 | 62.536.340 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 395.977.124 | 369.256.518 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.412.364.017 | 1.583.242.869 |
| Thuế, phí, lệ phí | 32.035.143 | 27.250.716 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 4.909.728.154 | 2.087.371.787 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | - | 104.805.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.633.983.175 | 4.562.937.901 |
| Chi phí bằng tiền khác | 3.220.228.127 | 3.383.235.040 |
| Cộng | 30.935.488.689 | 26.841.180.836 |
| 30. Thu nhập khác | | |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định | 1.627.272.727 | 2.186.363.636 |
| Hoàn phí bảo tồn vốn tính lệ 16 | 2.008.100.116 | 2.008.100.116 |
| Trừ lương nhân viên vi phạm | 461.526.135 | 363.864.803 |
| Thu nhập từ việc chuyển giao chi phí thăm dò cho IDICO Đồng Nai | - | - |
| Thu nhập khác | 229.180.125 | 402.185.054 |
| Cộng | 4.326.079.103 | 4.960.513.609 |
| 31. Chi phí khác | | |
| Chi phí nhượng bán, thanh lý Tài sản cố định | 2.863.221.078 | 2.305.529.578 |
| Lãi trả chậm mua NVL | 105.044.287 | - |
| Tiền phạt do vi phạm Hợp đồng kinh tế | 462.200.882 | - |
| Chi phí từ việc chuyển giao chi phí thăm dò cho IDICO Đồng Nai | 618.177.666 | - |
| Chi phí khác | 271.328.577 | 257.852.619 |
| Cộng | 4.319.972.490 | 2.563.382.197 |
| 32. Lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh | | |
| Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết | 49.555.968 | (131.609.932) |
| Phần bổ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại | - | - |
| Cộng | 49.555.968 | (131.609.932) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

| | | |
|--|------------------------|------------------------|
| 33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | Năm 2013 | Năm 2012 |
| 1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.051.374.743 | 1.734.195.096 |
| 2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | 2.337.536.768 | 1.648.261.832 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 38.022.789 | 2.216.029.207 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 2.299.513.979 | (567.767.375) |
| 3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2) | 4.388.911.511 | 3.382.456.928 |
| 4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 6.526.336.613 | 2.412.168.889 |
| 5. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành | <u>6.526.336.613</u> | <u>2.412.168.889</u> |
| 34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | Năm 2013 | Năm 2012 |
| - Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | 6.897.797.256 | 1.888.931.738 |
| Cộng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | <u>6.897.797.256</u> | <u>1.888.931.738</u> |
| 35. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố | Năm 2013 | Năm 2012 |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 298.182.246.910 | 243.970.010.720 |
| Chi phí nhân công | 44.361.987.576 | 34.320.752.943 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 35.217.860.556 | 34.031.431.435 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.269.565.862 | 41.213.572.742 |
| Chi phí khác bằng tiền | 51.045.014.598 | 17.720.173.567 |
| Cộng | <u>446.076.675.502</u> | <u>371.255.941.407</u> |
| 36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | Năm 2013 | Năm 2012 |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.319.627.871 | 1.242.813.249 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 2.319.627.871 | 1.242.813.249 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 15.000.000 | 15.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | <u>155</u> | <u>83</u> |

37. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

37.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền hợp nhất trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

37.1 *Rủi ro thị trường (tiếp theo)*

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền hợp nhất trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

| | Tăng/ giảm điểm cơ bản | Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế |
|---|---------------------------|---------------------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | | |
| VND | +200 | (18.268.711.185) |
| VND | -200 | 18.268.711.185 |
| USD | +100 | (3.398.395) |
| USD | -100 | 3.398.395 |
| EUR | +100 | (1.016.537.231) |
| EUR | -100 | 1.016.537.231 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | | |
| VND | +200 | (14.901.079.285) |
| VND | -200 | 14.901.079.285 |
| USD | +50 | (7.660.018) |
| USD | -50 | 7.660.018 |
| EUR | +50 | (4.116.243.976) |
| EUR | -50 | 4.116.243.976 |

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền hợp nhất trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh hợp nhất của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro ngoại tệ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, TGNH và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Công ty (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD, EUR. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Công ty là không đáng kể.

| | Thay đổi tỷ giá USD | Thay đổi tỷ giá EUR | Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế |
|--|------------------------|------------------------|---------------------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 | +1.0% | +2.0% | (78.439.114) |
| | -1.0% | -2.0% | 78.439.114 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 | +1.5% | +5.0% | (331.132.164) |
| | -1.5% | -5.0% | 331.132.164 |

37.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

(xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

37.2 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và/hoặc bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

| | Không quá hạn | | Quá hạn | |
|-----------------------------|-----------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | không bị suy giảm | bị suy giảm | không bị suy giảm | bị suy giảm |
| 31 tháng 12 năm 2013 | | | | |
| Dưới 90 ngày | 49.834.123.093 | - | 7.450.281.989 | - |
| >181 ngày | - | - | - | 12.813.186.687 |
| Cộng giá trị ghi sổ | 49.834.123.093 | - | 7.450.281.989 | 12.813.186.687 |
| Dự phòng giảm giá trị | | | | 8.160.380.603 |
| Giá trị thuần | 49.834.123.093 | - | 7.450.281.989 | 4.652.806.084 |
| 31 tháng 12 năm 2012 | | | | |
| 91-180 ngày | - | - | 48.869.275.820 | - |
| >181 ngày | - | - | 21.766.315.983 | 7.139.290.423 |
| Cộng giá trị ghi sổ | 18.618.566.468 | - | 70.635.591.803 | 7.139.290.423 |
| Dự phòng giảm giá trị | | | | 3.250.652.449 |
| Giá trị thuần | 18.618.566.468 | - | 70.635.591.803 | 3.888.637.974 |

37.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

| 31 tháng 12 năm 2013 | <i>Dưới 1 năm</i> | <i>Từ 1-5 năm</i> | <i>Trên 5 năm</i> | <i>Tổng cộng</i> |
|--|--------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|
| Các khoản vay và nợ | 1.088.162.526.640 | - | - | 1.088.162.526.640 |
| Phải trả người bán | 130.512.914.688 | - | - | 130.512.914.688 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả | 12.519.405.056 | - | - | 12.519.405.056 |
| | 1.231.194.846.384 | - | - | 1.231.194.846.384 |
| 31 tháng 12 năm 2012 | | | | |
| Các khoản vay và nợ | 314.328.839.836 | 457.890.631.011 | - | 772.219.470.847 |
| Phải trả người bán | 46.933.558.948 | 7.869.181.151 | - | 54.802.740.099 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác và chi phí phải trả | 9.034.657.464 | 10.625.869.877 | 51.944.447.970 | 71.604.975.311 |
| | 370.297.056.248 | 476.385.682.039 | 51.944.447.970 | 898.627.186.257 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

37.3 *Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)*

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng phần lớn quyền sở hữu máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, quyền sử dụng đất và quyền tài sản phát sinh từ HĐ BOT số 29/HĐ.BOT-CĐBVN ngày 18/12/2009 làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số V.20 thuyết minh vay ngắn hạn và vay dài hạn). Ngân hàng có trách nhiệm trả lại các tài sản thế chấp cho Công ty. Không có các điều khoản quan trọng khác liên quan đến việc sử dụng tài sản thế chấp này.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

38. **Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính** (xem trang 41)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

38. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

| | Giá trị ghi sổ | | | Dự phòng | Giá trị hợp lý | | |
|--------------------------------------|--------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|--------------------------|------------------------|------------|
| | 31/12/2013 | 01/01/2013 | 31/12/2013 | | 31/12/2013 | 01/01/2013 | 31/12/2013 |
| Tài sản tài chính | | | | | | | |
| - Phải thu khách hàng | 75.323.398.069 | 8.160.380.603 | 96.393.448.694 | 3.250.652.449 | 67.163.017.466 | 93.142.796.245 | |
| - Phải thu khác | 1.922.080.297 | - | 3.985.591.195 | - | 1.922.080.297 | 3.985.591.195 | |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 170.635.091.926 | - | 19.778.199.094 | - | 170.635.091.926 | 19.778.199.094 | |
| - Tài sản tài chính khác | 743.901.128 | - | - | - | 743.901.128 | - | |
| TỔNG CỘNG | 248.624.471.420 | 8.160.380.603 | 120.157.238.983 | 3.250.652.449 | 240.464.090.817 | 116.906.586.534 | |
| Nợ phải trả tài chính | | | | | | | |
| - Vay và nợ | 1.088.162.526.640 | - | 772.219.470.847 | - | 1.088.162.526.640 | 764.798.197.597 | |
| - Phải trả người bán | 130.512.914.688 | - | 54.802.740.099 | - | 130.512.914.688 | 54.802.740.099 | |
| - Phải trả khác | 11.950.925.385 | - | 19.660.527.341 | - | 11.950.925.385 | 19.660.527.341 | |
| - Nợ phải trả tài chính khác | 568.479.671 | - | - | - | 568.479.671 | - | |
| TỔNG CỘNG | 1.231.194.846.384 | - | 846.682.738.287 | - | 1.231.194.846.384 | 839.261.465.037 | |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính hợp nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

39. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

| | Năm 2013 | Năm 2012 |
|--|----------|----------|
| a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính. | | |
| - Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu | - | - |
| - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu | - | - |
| b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo. | | |
| - Tổng giá trị mua hoặc thanh lý; | - | - |
| - Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền hoặc các khoản tương đương tiền; | - | - |
| - Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý; | - | - |
| - Phần giá trị tài sản (Tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ. | - | - |
| c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện. | - | - |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ**

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã chính thức thay đổi và bổ nhiệm kế toán trưởng mới theo quyết định bổ nhiệm số 07/QĐ-CTC ngày 12 tháng 02 năm 2014. Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm chính thức giữ chức vụ Kế toán trưởng kể từ ngày 12/02/2014 thay cho ông Lê Văn Vinh và là người được Công ty ủy quyền làm "Người công bố thông tin" của Công ty kể từ ngày 28/02/2014.

2. Giao dịch với các bên liên quan (xem trang 43)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ | Tính chất giao dịch | Phát sinh trong năm | Số dư cuối năm phải thu (phải trả) |
|--|---|--|--|---|
| Công ty CP Đầu tư Việt Thuận Phát | Công ty liên kết | Doanh thu bán bê tông nhựa nóng, công, bột khoáng, dầu DO... Công ty cho mượn tiền Thi công công trình Quốc lộ 51 - gói 14 Phải trả tiền vận chuyển vật tư các loại Phải trả tiền thi công các gói thầu Công ty phải trả tiền cổ tức cổ đông sáng lập. | 8.779.846.205 (4.500.000.000) 1.187.368.107 (605.556.909) (92.394.663.295) | - 5.007.846.575 - - (19.633.968.797) |
| Ông Trần Như Hoàng | Chủ tịch HĐQT | Công ty Cường Thuận IDICO mượn | 400.000.000 | (100.000.000) |
| Ông Nguyễn Xuân Quang | Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc | Công ty phải trả tiền cổ tức cổ đông sáng lập | 500.000.000 | (500.000.000) |
| Ông Nguyễn Văn Khang | Thành viên HĐQT - Cổ đông sáng lập | Công ty Cường Thuận IDICO vay tiền | 1.000.000 | (440.000.000) |
| Bà Trương Hồng Loan | Thành viên HĐQT - Cổ đông sáng lập | Công ty IDICO Đồng Nai mượn tiền | 18.500.000.000 | (18.500.000.000) |
| Ông Nguyễn Xuân Hòa | Cổ đông sáng lập | Trả trước tiền mua đất tại xã Phước Tân | 4.662.500.000 | (4.090.500.000) |
| Ông Nguyễn Sỹ Phong | Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty IDICO Đồng Nai | Công ty mượn tiền Công ty ứng trước tiền mua đất Công ty IDICO Đồng Nai mượn tiền | (9.800.000.000) 19.171.976.089 - | 16.408.000.000 (766.855.513) 14.150.793.579 |
| Bà Phạm Mai Thu | Kế toán trưởng Cty Đồng Thuận | Trả trước tiền mua đất tại xã Phước Tân | 300.000.000 | (190.000.000) |
| | | | - | 3.457.300.000 |
| + Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | | | Năm 2013 | Năm 2012 |
| | | Thù lao và thưởng | 784.000.000 | 775.607.900 |
| | | Lương và thưởng | 3.370.880.000 | 2.433.487.500 |
| Tổng | | | 4.154.880.000 | 3.209.095.400 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2013

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gổì cống, khai thác gia công đá các loại, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

| | Doanh thu thuần | Giá vốn | Lãi gộp |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Bộ phận trạm thu phí tính lộ 16 | 30.723.173.636 | 12.088.196.580 | 18.634.977.056 |
| Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng | 1.161.672.727 | 258.389.015 | 903.283.712 |
| Bộ phận sản xuất cống, gổì cống | 37.714.548.132 | 28.272.102.000 | 9.442.446.132 |
| Bộ phận khai thác, gia công đá các loại | 27.794.042.242 | 25.481.966.691 | 2.312.075.551 |
| Bộ phận công trình xây lắp | 255.676.147.922 | 225.865.733.649 | 29.810.414.273 |
| Bộ phận cung cấp hàng hoá, dịch vụ | 3.721.412.961 | 5.058.782.479 | (1.337.369.518) |
| Bộ phận vận chuyển | 3.816.465.827 | 1.830.141.073 | 1.986.324.754 |
| Cộng | 360.607.463.447 | 298.855.311.487 | 61.752.151.960 |

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2012

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Bộ phận thu phí, bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất cống - gổì cống, dịch vụ xây lắp, và các dịch vụ khác. Công ty phân tích doanh thu và giá vốn theo bộ phận.

| | Doanh thu thuần | Giá vốn | Lãi gộp |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Bộ phận trạm thu phí tính lộ 16 | 33.247.320.909 | 10.205.474.620 | 23.041.846.289 |
| Bộ phận sản xuất bê tông nhựa nóng | 36.468.829.101 | 33.004.204.163 | 3.464.624.938 |
| Bộ phận sản xuất cống, gổì cống | 96.783.746.734 | 72.153.509.887 | 24.630.236.847 |
| Bộ phận công trình xây lắp | 96.721.628.926 | 96.019.856.776 | 701.772.150 |
| Bộ phận cung cấp hàng hoá, dịch vụ | 28.790.366.812 | 25.534.174.531 | 3.256.192.281 |
| Bộ phận vận chuyển | 2.370.990.610 | 866.052.047 | 1.504.938.563 |
| Chuyển quyền sử dụng đất | 5.931.818.182 | 5.931.818.182 | - |
| Cộng | 300.314.701.274 | 243.715.090.206 | 56.599.611.068 |

c. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo khu vực địa lý năm 2013 và năm 2012

Công ty có một xưởng sản xuất và một trạm thu phí tọa lạc trên cùng địa bàn là tỉnh Đồng Nai, hạch toán phụ thuộc, hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm dịch vụ chỉ tập trung ở tỉnh Đồng Nai và các tỉnh lân cận. Do đó, chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

4. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập

Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 08 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

VŨ THỊ HỒNG

NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM

NGUYỄN XUÂN QUANG

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Đồng Nai, ngày tháng năm 2014

CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Người đại diện pháp luật





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CƯỜNG THUẬN IDICO

Địa chỉ: Số 168 KP.11, P.An Bình, TP.Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Số điện thoại: (84-61) 629 1081

Số fax: (84-61) 629 1082

Website: <http://www.cuongthuan.com>

Mã cổ phiếu: CTI